

Số: 14/NQ-HĐT

Thừa Thiên Huế, ngày 28 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn 2040

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC, ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ Nghị định số 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học 2012; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học 2018;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐDH ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 66/QĐ-HĐDH ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng Đại học Huế công nhận Hội đồng trường Đại học Khoa học, Đại học Huế và Nghị quyết số 78/QĐ-HĐDH ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng Đại học Huế công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐT ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế nhiệm kỳ 2020-2025 về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/ĐU ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Đảng ủy Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế về việc thông qua nội dung Kế hoạch



chiến lược phát triển Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn 2040.

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐT ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế về việc thông qua nội dung Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn 2040;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế tại Tờ trình số 801/TTr-ĐHKH ngày 05 tháng 7 năm 2023 về việc thông qua nội dung Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn 2040.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chiến lược phát triển Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn 2040.

Điều 2. Chiến lược phát triển Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn 2040 là cơ sở để xây dựng kế hoạch công tác hàng năm, từng giai đoạn của Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế; các thành viên Hội đồng trường; các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Đảng ủy ĐH Huế (để b/c);
- Hội đồng ĐH Huế (để b/c);
- Giám đốc ĐH Huế (để b/c);
- Đảng ủy Trường ĐHKH (để b/c);
- Ban Giám hiệu;
- Các tổ chức đoàn thể Trường ĐHKH;
- Trang thông tin điện tử Trường ĐHKH;
- Lưu: VT, Tổ ĐHĐĐT. HNĐ.

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH



Bùi Quang Vũ

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

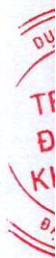


CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC, ĐẠI HỌC HUẾ
GIAI ĐOẠN 2021 - 2030 VÀ TẦM NHÌN 2040

Huế, năm 2023

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC, ĐẠI HỌC HUẾ
GIAI ĐOẠN 2021 - 2030 VÀ TẦM NHÌN 2040

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐT ngày 28 tháng 7 năm 2023
của Hội đồng trường Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế)*



MỤC LỤC

Phần I. MỞ ĐẦU	1
Phần I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC, ĐẠI HỌC HUẾ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020	3
1.1. Những thành tựu đạt được của Chiến lược phát triển Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế giai đoạn 2016 – 2020	3
1.1.1. Tái cấu trúc tổ chức bộ máy và phát triển đội ngũ	3
1.1.2. Đào tạo đại học và quản lý sinh viên	5
1.1.3. Đào tạo sau đại học	7
1.1.4. Công tác Khảo thí và bảo đảm chất lượng giáo dục	15
1.1.5. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	17
1.1.6. Tài chính và Cơ sở vật chất	19
1.1.7. Những đóng góp phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, vùng và quốc gia.	22
1.2. Những tồn tại, khó khăn trong phát triển Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế giai đoạn 2016 – 2020	23
1.2.1. Trình độ đội ngũ viên chức và người lao động	23
1.2.2. Công tác đào tạo	23
1.2.3. Về công tác Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục.....	26
1.2.4. Cơ sở vật chất	26
1.3. Bài học kinh nghiệm từ thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế giai đoạn 2016 – 2020	26
PHẦN II. BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC, ĐẠI HỌC HUẾ	28
2.1. Bối cảnh thế giới	28
2.1.1. Bối cảnh giáo dục đại học trên thế giới.....	29
2.1.2. Ảnh hưởng đại dịch Covid-19 trên phạm vi toàn cầu.....	29
2.2. Bối cảnh trong nước	30
2.2.1. Bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam	30
2.2.2. Bối cảnh nhu cầu nguồn nhân lực Việt Nam.....	30

PHẦN III. CƠ SỞ VÀ NỀN TẢNG XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC, ĐẠI HỌC HUẾ GIAI ĐOẠN 2021 – 2030, TẦM NHÌN 2040	31
3.1. Căn cứ pháp lý	31
3.2. Cơ sở thực tiễn	33
3.2.1. Điểm mạnh và điểm yếu	33
3.2.2. Cơ hội và thách thức.....	34
3.3. Nền tảng chiến lược phát triển	35
3.3.1. Sứ mạng	35
3.3.2. Tầm nhìn	35
3.3.3. Giá trị cốt lõi	35
3.3.4. Triết lý giáo dục.....	36
3.3.5. Mục tiêu	36
PHẦN IV. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC, ĐẠI HỌC HUẾ GIAI ĐOẠN 2021 – 2030, TẦM NHÌN 2040.....	38
4.1. Chiến lược 1. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ.....	38
4.1.1. Tầm nhìn và mục tiêu.....	38
4.1.2. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện.....	38
4.1.3. Kế hoạch thực hiện chiến lược	39
4.2. Chiến lược 2. Đào tạo và công tác sinh viên	41
4.2.1. Tầm nhìn và mục tiêu.....	41
4.2.2. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện.....	42
4.2.3. Kế hoạch thực hiện chiến lược	44
4.3. Chiến lược 3. Khảo thí và bảo đảm chất lượng giáo dục	47
4.3.1. Tầm nhìn và mục tiêu.....	47
4.3.2. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện.....	47
4.3.3. Kế hoạch thực hiện chiến lược	49
4.4. Chiến lược 4. Khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế	52
4.4.1. Tầm nhìn và mục tiêu.....	52
4.4.2. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện.....	53

4.5. Chiến lược 5. Tài chính và cơ sở vật chất.....	56
4.5.1. Tầm nhìn và mục tiêu.....	56
4.5.2. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện.....	57
4.5.3. Kế hoạch thực hiện chiến lược	57
PHẦN V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ..	59
5.1. Tổ chức thực hiện	59
5.1.1. Hội đồng Trường.....	59
5.1.2. Hiệu trưởng	59
5.1.3. Lãnh đạo các Phòng ban/Trung tâm	59
5.1.4. Lãnh đạo các Khoa chuyên môn/Trường THPT	60
5.1.5. Viên chức, người lao động.....	60
5.1.6. Người học	60
5.2. Tổ chức giám sát và đánh giá kết quả.....	60
PHẦN VI. KẾT LUẬN	61

Phần I. MỞ ĐẦU

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế tiền thân là Ban Văn khoa và Ban Toán học Đại cương thuộc Viện Đại học Huế được thành lập ngày 01/3/1957. Sau ngày đất nước thống nhất (30/4/1975), thực hiện Quyết định số 426/CP, ngày 27/10/1976, Trường Đại học Văn khoa và Trường Đại học Khoa học thuộc Viện Đại học Huế được sáp nhập thành Trường Đại học Tổng hợp Huế trực thuộc Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Ngày 04/4/1994, Chính phủ ban hành Nghị định 30/CP của Chính phủ về việc tổ chức sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học ở khu vực Huế, Trường Đại học Tổng hợp Huế được đổi tên thành Trường Đại học Khoa học là một trong những trường thành viên của Đại học Huế.

Hiện nay, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế có:

- 14 đơn vị trực thuộc: Khoa Toán; Khoa Công nghệ thông tin; Khoa Điện, Điện tử và Công nghệ vật liệu; Khoa Hóa học; Khoa Sinh học; Khoa Địa lý – Địa chất; Khoa Ngữ văn; Khoa Kiến trúc; Khoa Lý luận chính trị; Khoa Báo chí – Truyền thông; Khoa Môi trường; Khoa Xã hội học và Công tác xã hội; Khoa Lịch sử và Trường THPT chuyên Khoa học Huế.

- 07 đơn vị thuộc: Phòng Tổ chức và Hành chính; Phòng Kế hoạch, Tài chính và Cơ sở vật chất; Phòng Đào tạo đại học và Công tác sinh viên; Phòng Đào tạo sau đại học; Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục; Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế; Trung tâm Thông tin và Thư viện.

- 02 Viện nghiên cứu và 05 Trung tâm trực thuộc: Viện Nghiên cứu và Ứng dụng Khoa học Công nghệ, Viện Nghiên cứu hoạt chất sinh học, Trung tâm Tin học, Trung tâm Nghiên cứu quản lý và phát triển vùng duyên hải, Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao công nghệ môi trường Miền Trung, Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn, Trung tâm Truyền thông.

Trải qua 65 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế đã trở thành Trường khoa học cơ bản duy nhất ở miền Trung và Tây Nguyên, là cơ sở đào tạo đại học, sau đại học có uy tín về các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, kỹ thuật, công nghệ, kiến trúc; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng và phát triển, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế vẫn còn bộc lộ một số điểm hạn chế nhất định như: Công tác tổ chức

và bộ máy của Trường sau khi tái cấu trúc chưa thật sự ổn định; một số ngành, chuyên ngành đào tạo đang gặp khó khăn trong tuyển sinh do có sự thay đổi về nhu cầu xã hội trong những năm gần đây. Bên cạnh đó, ngân sách nhà nước hỗ trợ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường còn hạn chế; cơ sở vật chất đã xuống cấp nhưng kinh phí được đầu tư chung hằng năm còn eo hẹp chưa đáp ứng đầy đủ các hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ và xây dựng cơ sở vật chất.

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế ban hành Chiến lược phát triển giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2040 nhằm từng bước thực hiện giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế; tiếp tục phát huy những thành tựu, chủ động tích cực ứng phó với các cơ hội và thách thức. Chiến lược này giúp Nhà trường tiếp tục thực hiện vai trò, sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm góp phần xây dựng các định hướng, chủ trương, chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; đề xuất và thực hiện các chương trình nghiên cứu khoa học trọng điểm quốc gia và đóng góp thiết thực cho ngành giáo dục đào tạo Việt Nam; hội nhập toàn diện với hệ thống giáo dục đại học khu vực và thế giới.

Phần I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC, ĐẠI HỌC HUẾ GIAI ĐOẠN 2016 – 2020

1.1. Những thành tựu đạt được của chiến lược phát triển Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế giai đoạn 2016 – 2020

1.1.1. Tái cấu trúc tổ chức bộ máy và phát triển đội ngũ

1.1.1.1. Tái cấu trúc tổ chức bộ máy

Thực hiện nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chính phủ; sự chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế; Nghị quyết số 15-NQ/ĐU ngày 27/7/2016 của Đảng ủy Đại học Huế về định hướng đổi mới công tác cán bộ trong xu thế hội nhập và phát triển, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế (sau đây gọi là Nhà trường) đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có kết quả công tác xây dựng cơ cấu tổ chức và tái cấu trúc bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả, hướng đến thực hiện tự chủ đại học. Kết quả cụ thể như sau:

- Thực hiện tái cấu trúc bộ máy quản lý Nhà trường theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả công tác. Đến nay, sau khi thực hiện Đề án tái cấu trúc, Nhà trường đã giảm từ 15 khoa chuyên môn còn 13 Khoa chuyên môn, giảm 54 Bộ môn thuộc Khoa xuống còn 36 Bộ môn thuộc Khoa, giảm từ 08 phòng chức năng và Trung tâm còn 7 phòng chức năng và Trung tâm; Tổ công tác đã giảm từ 14 Tổ xuống còn 11 Tổ công tác thuộc Phòng; sắp xếp lại các Viện và Trung tâm phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học thành 02 Viện và 05 Trung tâm trực thuộc Nhà trường. Đồng thời, để đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng chuyển giao công nghệ Nhà trường đã thành lập Viện Nghiên cứu và Ứng dụng khoa học công nghệ.

- Trên cơ sở nhu cầu của xã hội và phát triển, Nhà trường đã xây dựng đề án thành lập Trường THPT chuyên Khoa học Huế trực thuộc Trường (trên cơ sở phát triển Khối chuyên THPT Khoa học Huế); Ngày 06 tháng 7 năm 2022 Trường THPT chuyên Khoa học Huế đã được thành lập theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐT của Hội đồng Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

1.1.1.2. Quản trị đại học

Hội đồng Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế đã được thành lập lại theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018, Nghị định số 99/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên. Để cụ thể hóa những chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các văn bản quy định của Đại học Huế và đặc điểm tình hình của Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, Nhà trường đã ban hành và triển khai thực hiện các văn bản quản lý nội bộ như: Quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị; Chế độ làm việc đối với giảng viên; Đánh giá, xếp loại chất lượng đơn vị và viên chức, người lao động; Quy định kéo dài thời gian làm việc đối với giảng viên có trình độ cao đủ tuổi nghỉ hưu; Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Trung tâm, Viện nghiên cứu trực thuộc Trường Đại học Khoa học; Quy định xét cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn; Quy định về quy hoạch cán bộ quản lý; Quy hoạch cán bộ chuyên môn; Quy chế dân chủ cơ sở; Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí; Đề án tái cấu trúc; Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2021 – 2022.

1.1.1.3. Phát triển đội ngũ

Nhà trường đã thực hiện tốt công tác quy hoạch, rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ chuyên môn của Trường nhiệm kỳ 2014 - 2019 và 2020 – 2025 theo quy định của Đại học Huế. Tạo điều kiện để cán bộ được quy hoạch vào các chức danh lãnh đạo quản lý tham dự các khóa học, lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức Quốc phòng - An ninh.

Trong giai đoạn 2016 – 2020, Nhà trường đã cử 28 cán bộ đi bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng - An ninh đối tượng 2, đối tượng 3; 54 giảng viên, chuyên viên tham dự thi nâng ngạch giảng viên chính và chuyên viên chính; 39 cán bộ viên chức hoàn thành khóa học nghiên cứu sinh và bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, 28 cán bộ viên chức hoàn thành khóa học thạc sĩ; hàng chục cán bộ đi bồi dưỡng chuyên môn trong và ngoài nước; 14 cán bộ được công nhận chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư.

Thực hiện quy trình bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng; Trưởng, Phó các khoa, bộ môn; Trưởng, Phó các phòng chức năng; quy trình bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường, Thư ký Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020 - 2025. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp được bổ nhiệm trong nhiệm kỳ 2014 – 2019 và 2020 - 2025 cơ bản đều hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Thực hiện tốt công tác tuyển dụng viên chức, hợp đồng lao động hàng năm. Trong 5 năm qua, Nhà trường đã tuyển dụng được 30 viên chức, người lao động thay thế cho 30 cán bộ nghỉ hưu, thôi việc và chuyển công tác. Khuyến khích, động viên và tạo điều kiện để cán bộ, viên chức tham gia bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức Quốc phòng - An ninh, lý luận chính trị phù hợp với năng lực, sở trường, vị trí công việc của mình và đáp ứng theo nhu cầu của đơn vị. Tính đến tháng 12 năm 2020, Trường có tổng số 365 viên chức, người lao động (không kể hợp đồng lao động tại các trung tâm tự chủ), trong đó có 271 giảng viên có chất lượng chuyên môn ngày càng được nâng cao với 03 giảng viên có học hàm Giáo sư, 33 giảng viên có học hàm Phó Giáo sư và 84 giảng viên có trình độ Tiến sĩ.

Nhà trường luôn thực hiện đầy đủ đúng quy định các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với viên chức, người lao động; đặc biệt đối với đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý các cấp.

1.1.2. Đào tạo đại học và quản lý sinh viên

- Giai đoạn 2016 – 2020, Nhà trường đã mở 09 ngành đào tạo đại học, gồm:

Bảng 1. Các mã ngành đào tạo đại học đã tiến hành rà soát, điều chỉnh của Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế giai đoạn 2016 – 2020

Stt	Mã ngành	Tên mã ngành
1.	7310205	Quản lý nhà nước
2.	7580105	Quy hoạch vùng và đô thị
3.	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học
4.	7480103	Kỹ thuật phần mềm
5.	7420202	Kỹ thuật sinh học
6.	7520320	Kỹ thuật môi trường
7.	7580211	Địa kỹ thuật xây dựng
8.	7310108	Toán kinh tế
9.	7480107	Quản trị và phân tích dữ liệu

- Giai đoạn 2016 – 2020, Nhà trường đã tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh 32 ngành đào tạo đại học, gồm:

Bảng 2. Các mã ngành đào tạo đại học đã tiến hành rà soát, điều chỉnh của Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế giai đoạn 2016 – 2020

Stt	Mã ngành	Tên mã ngành
1.	7220104	Hán Nôm
2.	7310608	Đông phương học
3.	7229001	Triết học
4.	7229010	Lịch sử
5.	7229020	Ngôn ngữ học
6.	7229030	Văn học
7.	7310301	Xã hội học
8.	7320101	Báo chí
9.	7420101	Sinh học
10.	7420201	Công nghệ sinh học
11.	7440102	Vật lý học
12.	7440112	Hóa học
13.	7440201	Địa chất học
14.	7440217	Địa lý tự nhiên
15.	7440301	Khoa học môi trường
16.	7460101	Toán học
17.	7460112	Toán ứng dụng
18.	7480201	Công nghệ thông tin
19.	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông
20.	7520501	Kỹ thuật địa chất
21.	7580101	Kiến trúc
22.	7760101	Công tác xã hội
23.	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
24.	7520503	Kỹ thuật trắc địa bản đồ
25.	7310205	Quản lý nhà nước
26.	7580105	Quy hoạch vùng và đô thị
27.	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học
28.	7480103	Kỹ thuật phần mềm
29.	7310108	Toán kinh tế
30.	7420202	Kỹ thuật sinh học
31.	7520320	Kỹ thuật môi trường
32.	7580211	Địa kỹ thuật xây dựng.

Trong quá trình điều chỉnh chương trình đào tạo, Nhà trường đã kịp thời loại bỏ một số học phần quá thiên về hàn lâm, lý thuyết bổ sung một số học phần có

tính thực tiễn để đáp ứng với thị trường lao động. Đặc biệt, Nhà trường là trường đầu tiên trong Đại học Huế đưa học phần Kỹ năng mềm vào giảng dạy ở chương trình đào tạo đại học.

- Bên cạnh việc đào tạo đại học hệ chính quy, Nhà trường còn liên kết đào tạo trình độ đại học hệ vừa làm vừa học theo quy chế hiện hành (đại học, liên thông từ trung cấp/cao đẳng lên đại học, đại học bằng thứ 2).

- Trường đã thúc đẩy việc biên soạn giáo trình đại học phục vụ công tác đào tạo với 75 giáo trình đã được biên soạn, 36 giáo trình đã được xuất bản.

- Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn về Kỹ năng mềm cho 25 giảng viên phục vụ cho việc giảng dạy học phần Kỹ năng mềm trong chương trình đào tạo được cập nhật nội dung mới.

- Tổ chức đào tạo được 839 lượt học viên học ngắn hạn để cấp giấy chứng nhận, chứng chỉ nghề nghiệp như: nghiệp vụ công tác xã hội, nghiệp vụ báo chí, chứng chỉ giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Trong giai đoạn 2016-2020, số lượng sinh viên hệ chính quy, vừa làm vừa học tuyển mới và quy mô đào tạo như sau:

Bảng 3. Số lượng tuyển sinh sinh viên giai đoạn 2016 – 2020

Đơn vị: Người

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
Tuyển mới (chính quy)	1177	1146	796	634	749
Tổng số sinh viên (chính quy)	5714	4952	4138	3144	2881
Tuyển mới (vừa làm vừa học)	327	202	174	197	259
Tổng số sinh viên (vừa làm vừa học)	866	592	550	469	348

1.1.3. Đào tạo sau đại học

1.1.3.1. Tăng quy mô tuyển sinh, liên kết đào tạo, mở mới và tái cấu trúc các mã ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội

a) Tăng quy mô đào tạo

Giai đoạn 2016 – 2020, công tác đào tạo sau đại học được triển khai trong điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước và điều kiện của Nhà trường có nhiều khó khăn, biến động nhưng nhìn chung quy mô đào tạo cao học có xu hướng tăng lên. Mức tăng bình quân từ 5 - 10%/năm, cá biệt có năm tăng trên 15% (năm 2020). Giai đoạn 2016 - 2020 là giai đoạn quy mô đào tạo cao học tăng nhanh và khá ổn định. Xét về quy mô đào tạo sau đại học, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế đứng thứ 2 về đào tạo cao học trong các trường thành viên của Đại học Huế.

**Bảng 4. Số lượng học viên cao học trúng tuyển các ngành đào tạo
trình độ thạc sĩ giai đoạn 2016 -2020**

Đơn vị: Người

Stt	Ngành đào tạo	Khóa năm				
		2016	2017	2018	2019	2020
1	Lý luận văn học	2	12	14	2	
2	Văn học Việt Nam	18	3	41	37	
3	Ngôn ngữ học	3	6		9	
4	Triết học	5	33	58	14	11
5	Lịch sử thế giới	1		4		1
6	Lịch sử Việt Nam	8	5	45	4	45
7	Dân tộc học	3	5	1	7	2
8	Quản lý Tài nguyên & Môi trường	59	32	25	10	24
9	Công tác xã hội				20	1
10	Sinh học thực nghiệm	16	1	18	19	12
11	Sinh thái học	1				
12	Công nghệ sinh học		2	4	2	6
13	Vật lý chất rắn	2	2	38	31	22
14	Quang học		22	1		
15	Địa lí Tài nguyên & Môi trường		2	15	3	10
16	Địa chất học	1				
17	Hóa vô cơ		22	19	19	
18	Hóa hữu cơ		20		1	
19	Hóa phân tích	2	8	16	7	
20	Hóa lí thuyết và Hóa lí		1	13	3	
21	Hóa học					44
22	Khoa học môi trường		19		6	7
23	Toán ứng dụng		2	30	22	36
24	Lý thuyết tối ưu					
25	Đại số và lý thuyết số					
26	Khoa học máy tính	72	14	85	28	38
27	Kỹ thuật địa chất	7	6	5	7	6

Stt	Ngành đào tạo	Khóa năm				
		2016	2017	2018	2019	2020
28	Kiến trúc	11	12	7	18	10
29	Quản lý văn hóa				27	24
30	Văn học					59
31	Quản lý công nghệ thông tin					9
32	Sinh học					24
33	Toán học					16
TỔNG		211	229	439	296	407

Xét về quy mô đào tạo nghiên cứu sinh, Nhà trường đứng thứ nhất trong các trường thành viên của Đại học Huế.

Bảng 5. Số lượng nghiên cứu sinh trúng tuyển các ngành đào tạo trình độ tiến sĩ giai đoạn 2016 – 2020

Đơn vị: Người

Stt	Ngành đào tạo	Khóa năm				
		2016	2017	2018	2019	2020
1	Quản lý tài nguyên và môi trường	4	1	0	0	0
2	Khoa học máy tính	9	2	1	0	1
3	Đại số và lý thuyết số	0	0	0	0	0
4	Khoa học môi trường	0	0	0	0	0
5	Địa chất học	4	0	0	0	0
6	Hoá lý thuyết và hoá lí	6	2	1	1	0
7	Hoá phân tích	4	1	0	2	0
8	Hoá hữu cơ	3	0	0	0	0
9	Quang học	0	1	0	0	0
10	Vật lý chất rắn	4	1	0	1	0
11	Công nghệ sinh học	6	0	0	0	0
12	Sinh lý học thực vật	2	1	0	1	0
13	Sinh lý học người và động vật	0	0	0	0	0
14	Dân tộc học	4	2	2	0	0
15	Ngôn ngữ học	0	1	1	0	0
16	Lịch sử Việt Nam	1	0	0	0	0
17	Lịch sử thế giới	3	1	1	0	0
18	Văn học Việt Nam	4	2	0	0	0
Tổng		54	15	6	18	1

Đối tượng đào tạo sau đại học của Nhà trường chủ yếu là cán bộ đang công tác tại các cơ quan nhà nước, các cơ sở sản xuất tư nhân, doanh nghiệp, giảng viên ở các trường đại học, cao đẳng, trường trung học phổ thông, viện nghiên cứu và cử nhân mới ra trường đang tìm kiếm việc làm. Trong đó, đáng chú ý là xu hướng trẻ hóa về tuổi đời của học viên cao học và nghiên cứu sinh trong những năm gần đây.

b) Liên kết đào tạo trong và ngoài nước

- Liên kết với các cơ sở đào tạo trong nước

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Nhà trường tuyển sinh và đào tạo một số học phần thuộc chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ tại Phân hiệu Quảng Trị theo Quyết định số 891/BGDĐT-GDĐH, ngày 14 tháng 02 năm 2015 và đồng ý của Giám đốc Đại học Huế về tuyển sinh, đào tạo trình độ thạc sĩ.

Để đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước, Nhà trường đã mở rộng hoạt động liên kết với các cơ sở đào tạo tại các địa phương trong khu vực miền Trung, Tây Nguyên đồng thời đưa ra các giải pháp mới để nâng cao chất lượng đào tạo và tăng nguồn tuyển sinh cao học đáp ứng nhu cầu xã hội. Được sự cho phép, thống nhất của Ủy ban Nhân dân các tỉnh Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Đại học Huế, Nhà trường đã xây dựng và được phê duyệt các Đề án đặt cơ sở đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng của Nhà trường tại các địa phương giai đoạn 2018 - 2020 như sau: Phân viện hành chính Quốc gia khu vực Tây Nguyên tại tỉnh Đắk Lắk, Trường Cao đẳng cộng đồng Đắk Nông, Trường Cao đẳng cộng đồng Kon Tum, Trường Đại học Trà Vinh.

Ngoài ra, trong thời gian này, Trường còn liên kết với Học viện Cảnh sát nhân dân đào tạo ngành thạc sĩ tội phạm học và ngăn ngừa tội phạm.

- Liên kết đào tạo ngoài nước

Trong giai đoạn từ 2016 đến 2020, mặc dù cơ hội liên kết trong đào tạo sau đại học không nhiều, nhưng Nhà trường đã nỗ lực trong việc kết nối và liên kết với Trường Đại học Savannakhet, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đào tạo 14 thạc sĩ ngành Khoa học môi trường đã được cấp bằng vào tháng 5 năm 2022. Hoạt động liên kết trong đào tạo sau đại học đã góp phần đào tạo đội ngũ, tăng cường giao lưu, trao đổi trong đào tạo sau đại học với các cơ sở đào tạo bên ngoài, nâng cao trình độ cho người học, tăng cường vị thế của Nhà trường và tạo thêm cơ hội cho giảng viên trong hoạt động chuyên môn.

- Về mở mới mã ngành đào tạo

Mở mới mã ngành và quy mô đào tạo là một trong những yếu tố phản ánh năng lực và sự phát triển của hoạt động đào tạo sau đại học của các đơn vị đào tạo. Trên cơ sở bám sát nhu cầu thực tiễn xã hội, của người học và sự trưởng thành của đội ngũ, trong giai đoạn 2016 - 2020, Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển, cấu trúc các ngành nghề đào tạo ở trình độ đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ.

Năm 1993 Nhà trường được đào tạo 06 ngành cao học đầu tiên, bao gồm: Toán vận trù học, Vật lý chất rắn, Vật lý quang - quang phổ, Hóa sinh - Sinh lý thực vật, Tế bào sinh lý động vật, Đại số lý thuyết số.

Năm 1997 có 10 ngành được đào tạo.

Năm 1998 có 10 mã ngành đào tạo cao học và 02 mã ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.

Năm 1999 có 17 ngành đào tạo tiến sĩ, 04 ngành đào tạo tiến sĩ.

Năm 2003 có 20 ngành đào tạo thạc sĩ và 4 ngành đào tạo tiến sĩ.

Năm 2005 có 23 ngành đào tạo thạc sĩ, 5 ngành đào tạo tiến sĩ.

Năm 2016, Nhà trường quản lý là 25 ngành đào tạo thạc sĩ (trong đó có những ngành đào tạo chung với Trường Đại học Sư phạm), 17 ngành đào tạo tiến sĩ.

Đến năm 2017, trên cơ sở phân định các ngành chung của Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế và Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế một số ngành đào tạo trình độ thạc sĩ chuyển cho Trường Đại học Sư phạm đảm nhận như: Địa lý tự nhiên, Thực vật học, Vật lý lý thuyết & Vật lý toán, Lý thuyết xác suất và thống kê toán học, Toán giải tích, lý thuyết tối ưu, Đại số và lý thuyết số và tạm dừng tuyển sinh một số ngành khó tuyển sinh: Động vật học, Sinh thái học, Văn học nước ngoài.

Giai đoạn 2016 - 2020, Nhà trường đã mở mới 09 mã ngành đào tạo thạc sĩ và 01 mã ngành trình độ tiến sĩ. Đây là những nỗ lực đáng ghi nhận của các cá nhân và tập thể trong xây dựng và phát triển mã ngành đào tạo của Trường trong 5 năm qua. Thực tiễn đào tạo đã chứng minh rằng việc phát triển các mã ngành đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ của Nhà trường trong thời gian qua cơ bản là đúng hướng, đáp ứng nhu cầu của người học. Tuy nhiên, qua các thời kỳ, một số mã ngành đã không còn sức hấp dẫn đối với người học và khó khăn tuyển sinh. Bên cạnh đó Phòng Đào tạo sau đại học đã phối hợp với các Khoa chuyên môn tổ chức rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết học phần để đảm bảo không còn sự trùng lặp kiến thức giữa

chương trình đào tạo cao học, theo đó đã ban hành đề cương chi tiết các học phần đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng.

Bảng 6. Các mã ngành sau đại học mới mở giai đoạn 2016 - 2020

Trình độ	Tên ngành/chương trình đào tạo mới mở	Số Quyết định	Ngày Quyết định	Ghi chú
Thạc sĩ	Công tác xã hội	20/QĐ-ĐHH-ĐTĐH	01/10/2019	
	Quản lý văn hoá	850/QĐ-ĐHH	24/6/2019	
	Sinh học	139/QĐ-ĐHH	06/02/2020	
	Hoá học	136/QĐ-ĐHH	05/02/2020	
	Toán học	137/QĐ-ĐHH	05/02/2020	
	Văn học	140/QĐ-ĐHH	06/02/2020	
	Quản lý công nghệ thông tin	99/QĐ-ĐHH	21/01/2020	
	Kỹ thuật điện tử	100/QĐ-ĐHH	21/01/2020	
	Quản lý an toàn, sức khoẻ và môi trường	179a/QĐ-ĐHH	13/2/2020	
Tiến sĩ	Khoa học môi trường	98/QĐ-ĐHH	21/01/2020	Song ngữ

1.1.3.2. Xây dựng và phát triển đội ngũ có học hàm, học vị đạt chuẩn

Đội ngũ cán bộ, giảng viên vừa là một trong những điều kiện tiên quyết để tổ chức đào tạo, vừa là nhân tố quyết định thành công của công tác đào tạo sau đại học. Đội ngũ giảng viên của trường có học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư, học vị Tiến sĩ, hàng năm được bổ sung về số lượng và chất lượng Nhà trường đã chủ động trong quá trình đào tạo, không ngừng cập nhật những thông tin khoa học kỹ thuật mới và đổi mới phương pháp giảng dạy.

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế đã không ngừng chăm lo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên giảng dạy sau đại học cả về số lượng và chất lượng. Các biện pháp cụ thể: hàng năm các Khoa chuyên môn tiến hành quy hoạch nâng cao chức danh của cán bộ, động viên cán bộ, giảng viên bồi dưỡng chuyên môn hợp tác với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước để đào tạo cán bộ có trình độ tiến sĩ; có chính sách khen thưởng cho cán bộ bảo vệ tiến sĩ trước hạn, tạo điều kiện để nghiên cứu sinh chủ trì các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Đại học Huế tham gia hội nghị, hội thảo; xuất bản giáo trình, công trình, bài báo để hội đủ các điều kiện

xét chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư, hỗ trợ kinh phí cán bộ đi học cao học, nghiên cứu sinh tại các cơ sở đào tạo ngoài trường hoặc tham gia hội nghị, hội thảo, xuất bản giáo trình sau đại học.

Riêng giai đoạn 2016 – 2020, có hơn 15 giáo trình sau đại học được nghiệm thu và xuất bản và được Nhà trường cấp kinh phí. Với những giải pháp này, từ năm 1993 đến 2020, đội ngũ cán bộ đào tạo sau đại học của Trường không ngừng lớn mạnh.

Năm 1993: năm đầu tiên được giao nhiệm vụ đào tạo sau đại học, Nhà trường có 01 giáo sư, 05 phó giáo sư và 20 tiến sĩ.

Năm 1995: có 01 giáo sư, 06 phó giáo sư và 38 tiến sĩ năm 2000 có 5 phó giáo sư và 45 tiến sĩ năm 2006 có 23 phó giáo sư và 73 tiến sĩ.

Năm 2010: có 27 phó giáo sư và 73 tiến sĩ.

Tính đến tháng 9/2020, Nhà trường có 03 giáo sư, 34 phó giáo sư, 85 tiến sĩ và 140 thạc sĩ, chưa kể các tiến sĩ, phó giáo sư, giáo sư đang công tác tại Đại học Huế vẫn đang sinh hoạt chuyên môn tại Trường.

Một số Khoa chuyên môn đã có đội ngũ cán bộ giảng dạy sau đại học có trình độ học hàm, học vị cao như Khoa Sinh học, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Hóa học, Khoa Lịch sử. Nhiều giảng viên được đào tạo ở các nước có nền giáo dục tiên tiến như Đức, Ý, Nhật, Australia, v.v... Thông qua đó, đã tiếp thu những tiến bộ mới về tri thức, về khoa học, công nghệ và ứng dụng trong công tác đào tạo sau đại học. Đội ngũ giảng viên không chỉ tăng lên về số lượng, mà còn tăng lên về mặt chất lượng. Sau quá trình bồi dưỡng và tự bồi dưỡng, nhiều giáo viên đã trở thành chuyên gia ở các lĩnh vực chuyên môn khác nhau và có tầm ảnh hưởng lớn không chỉ miền Trung – Tây Nguyên mà trong cả nước. Nhiều giảng viên không chỉ giỏi về lý thuyết mà còn là những chuyên gia giàu kinh nghiệm trong thực tiễn và có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước thông qua các đề tài nghiên cứu khoa học, chuyển giao sản phẩm ứng dụng khoa học công nghệ.

1.1.3.3. Xây dựng và đổi mới chương trình đào tạo

Từ năm 2016, chương trình đào tạo thạc sĩ theo hệ tín chỉ được triển khai thực hiện theo Thông tư số 15/2014/TT-BGD&ĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 07/2015/TT-BGD&ĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt

nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Theo đó, học viên cao học được đào tạo trong thời gian từ 1,5 năm đến 02 năm theo Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng và định hướng nghiên cứu.

Nhà trường đã triển khai biên soạn chương trình khung và đề cương chi tiết các học phần theo hệ đào tạo tín chỉ. Có 25 chương trình khung đào tạo cao học hệ tín chỉ đã biên soạn và được Đại học Huế phê duyệt trong thời gian từ 2018 đến 2021, theo xu hướng giảm số giờ lên lớp, tăng giờ thảo luận, tự học, tự nghiên cứu của học viên.

Đối với đào tạo trình độ tiến sĩ, trước năm 2017, công tác quản lý đào tạo được triển khai theo Quy định về đào tạo sau đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2012 (Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012), năm 2017 (Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) và của Đại học Huế (Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ, ban hành theo Quyết định số 253/QĐ-DHH ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Giám đốc Đại học Huế).

Từ năm 2017 đến năm 2020 quy định về đào tạo tiến sĩ thay đổi cơ bản về chương trình đào tạo và cách thức quản lý thực hiện theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hiện nay, lộ trình đào tạo tiến sĩ theo quy chế mới đã đi vào quy củ.

Nhìn chung, chương trình đào tạo có tham khảo và kế thừa kinh nghiệm xây dựng chương trình từ các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước nên cơ bản phù hợp với trình độ của người học, khuyến khích tính sáng tạo, độc lập trong học tập và nghiên cứu của học viên cao học và nghiên cứu sinh, có yếu tố đặc thù của khu vực miền Trung – Tây Nguyên và hướng đến phục vụ cho công việc mà học viên và nghiên cứu sinh đang đảm nhận tại địa phương.

1.1.3.4. Từng bước nâng cao chất lượng đào tạo

Chất lượng đào tạo là nhân tố quyết định thương hiệu và sự phát triển của đào tạo sau đại học. Trong điều kiện cho phép, Nhà trường đã có những giải pháp để nâng cao chất lượng trong đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ như:

- Tăng cường các biện pháp quản lý về chất lượng đào tạo: trên cơ sở quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Huế, Nhà trường đã ban hành các quy định cụ thể từ tuyển sinh (ngành gần, ngành đúng, bổ túc kiến thức), ban hành

các quy định về việc thông qua đề cương, seminar luận văn, bảo vệ luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ, quy định về kiểm tra, đánh giá môn học, chuyên đề, bài luận tổng quan, luận văn, luận án, quy trình bảo vệ luận văn, luận án... Trên cơ sở đó, Nhà trường xác định mức chuẩn về đánh giá chất lượng đối với các hoạt động đào tạo.

- Cập nhật và đổi mới chương trình đào tạo và kiến thức các môn học và các học phần, các chuyên đề tiến sĩ, đặc biệt đối với các chuyên ngành khoa học tự nhiên và công nghệ kỹ thuật.

- Đổi mới phương pháp pháp dạy, học: Trong những năm gần đây, đào tạo sau đại học đã hướng tới từng bước đổi mới phương pháp giảng dạy. Nhiều giáo viên đã ứng dụng phương pháp giảng dạy tích cực để khuyến khích hơn nữa khả năng tự học, tự nghiên cứu của học viên và nghiên cứu sinh.

- Gắn đào tạo trong Nhà trường với thực tiễn xã hội thông qua định hướng chọn và triển khai đề tài luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ, từ đó nâng cao nhận thức lý luận và thực tiễn cho người học.

- Tổ chức các buổi sinh hoạt học thuật, seminar, hội thảo khoa học để tăng cường sự trao đổi, chia sẻ, học hỏi cho học viên và nghiên cứu sinh.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động thi.

- 1.1.4. Công tác Khảo thí và bảo đảm chất lượng giáo dục

Trong giai đoạn 2016 - 2020, bám sát mục tiêu, chỉ tiêu và chương trình hành động trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 công tác Khảo thí và bảo đảm chất lượng giáo dục của Nhà trường đã đạt được các thành tựu cụ thể sau:

1.1.4.1. Về công tác Khảo thí

- Tập trung công tác khảo thí về một đầu mối, đảm bảo sự thống nhất, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Ban hành Quy định về tổ chức thi, chấm thi kết thúc học phần bậc đào tạo đại học và sau đại học. Kịp thời điều chỉnh, bổ sung Quy định về tổ chức thi, chấm thi kết thúc học phần bậc đào tạo đại học và sau đại học phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường, đặc biệt trong thời gian chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid-19.

- Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi/đề thi các học phần trong chương trình đào tạo. Quản lý, khai thác, bảo mật và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi/đề thi của 478 học phần phục vụ các kỳ thi kết thúc học phần có hiệu quả.

- Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá kết quả người học. Áp dụng hệ thống phần mềm trong tổ chức thi kết thúc học phần, đảm bảo tính công bằng, khách quan, đánh giá chính xác năng lực người học (Phần mềm thi trắc nghiệm và tự luận, phần mềm thi theo hình thức tiểu luận, phần mềm chấm bài thi tiểu luận).

1.1.4.2. Về công tác Bảo đảm chất lượng giáo dục

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy: Thành lập Hội đồng Bảo đảm chất lượng giáo dục và mạng lưới bảo đảm chất lượng giáo dục bên trong Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế nhiệm kỳ 2014 – 2019 và nhiệm kỳ 2019 - 2024.

- Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy nội bộ của Nhà trường: Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Bảo đảm chất lượng giáo dục và mạng lưới bảo đảm chất lượng giáo dục bên trong Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế nhiệm kỳ 2019 - 2024. Ban hành Quy định về hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan ...

- Triển khai thực hiện các hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục thường niên: Báo cáo công khai chất lượng giáo dục, Kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục hàng năm, Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục, Khảo sát ý kiến các bên liên quan, sử dụng kết quả khảo sát làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo của Nhà trường, kết quả 100% giảng viên được khảo sát ý kiến của sinh viên về hoạt động giảng dạy từng học kỳ, Khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp hàng năm theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời thông qua kết quả khảo sát đó để lập đề án tuyển sinh đại học hàng năm của Nhà trường theo quy định.

- Năm 2017, Nhà trường đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, có giá trị đến ngày 06/9/2022.

- Từ năm 2017 – 2022: Nhà trường tiến hành rà soát bổ sung những tồn tại theo kế hoạch kết quả đánh giá chỉ ra đồng thời triển khai thực hiện đánh giá giữa chu kỳ 2017 – 2020.

1.1.5. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế

1.1.5.1. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ: 55,462 tỷ đồng, tăng gần gấp đôi so với giai đoạn 2011 - 2015 (30,9 tỷ đồng). Tổng số lượng các đề tài được cấp kinh phí lớn gồm đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, Nafosted và cấp tỉnh là 55 đề tài, lớn hơn đáng kể so với 38 đề tài trong giai đoạn 2011 - 2015. Như vậy, trung bình mỗi đề tài lớn được cấp kinh phí hơn 01 tỷ đồng/đề tài, tăng thêm 20% kinh phí trong mỗi đề tài so với giai đoạn 2011 – 2015.

Bảng 7. Số lượng kinh phí cấp đề tài các cấp

Cấp quản lý	Cấp Nhà nước	Cấp Bộ	Cấp Trường và ĐHH	NCKH sinh viên	Nafosted	Cấp Tỉnh
Số lượng	02	22	154	236	18	13
Kinh phí (triệu đồng)	11.750	8.280	6.851	850	15.309	12.422

- Công bố khoa học trên các tạp chí có uy tín: Trong giai đoạn 2016 - 2020, tổng số bài báo quốc tế thuộc danh mục WoS và Scopus là 272 bài, với 172 tác giả là viên chức của Nhà trường. Số lượng bài báo vượt trội so với giai đoạn trước, với 45 bài báo trong giai đoạn 2011- 2014. Ngoài ra, viên chức của Nhà trường đã xuất bản được 115 sách chuyên khảo và 59 giáo trình trong giai đoạn này. Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên đã được tăng lên quy mô và đổi mới trong hoạt động tổ chức. Số lượng đề tài được duy trì trung bình 50 đề tài/năm và kinh phí trung bình là 6,5 triệu đồng/đề tài.

- Trong giai đoạn 2016 - 2020, Nhà trường đã thành lập được 04 nhóm nghiên cứu mạnh đã được Đại học Huế có quyết định công nhận. Hằng năm, đã có nhiều nhóm nghiên cứu và nhà khoa học được nhận các giải thưởng khoa học cao quý từ cấp trung ương đến địa phương, như giải thưởng khoa học kỹ thuật Việt Nam, giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam, cấp tỉnh, cấp Đại học Huế bằng lao động sáng tạo Việt Nam.

- Tạp chí Khoa học và công nghệ của Trường hoạt động có hiệu quả cả về chất lượng lẫn số lượng. Từ năm 2019, một số ngành đã được Hội đồng Giáo sư Nhà nước phê duyệt một số danh mục tạp chí được tính điểm như: Hội đồng liên ngành Xây dựng – Kiến trúc: 0,5 điểm, Hội đồng ngành Toán học: 0,5 điểm, Hội

đồng ngành Vật lý: 0,3 điểm, Hội đồng liên ngành Hóa học – Công nghệ thực phẩm: 0,25 điểm, Hội đồng ngành Sinh học: 0,25 điểm, Hội đồng liên ngành Khoa học trái đất – Môi trường: 0,25 điểm.

1.1.5.2. Hợp tác quốc tế

Hợp tác quốc tế là một trong những hoạt động chiến lược quan trọng nhằm thúc đẩy sự phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và nghiên cứu của Nhà trường. Trường đã và đang có quan hệ hợp tác và trao đổi với hàng chục tổ chức quốc tế và quốc gia, các trường đại học, viện nghiên cứu nước ngoài dưới các hình thức trao đổi thông tin - tư liệu, trao đổi hoạt động chuyên môn của cán bộ và sinh viên, hỗ trợ trang thiết bị và tài chính cho các dự án đào tạo và hợp tác nghiên cứu khoa học.

- Về quy mô các chương trình dự án hợp tác quốc tế: Giai đoạn 2016 – 2020, Nhà trường tham gia quản lý, điều hành và thực hiện 14 dự án phi chính phủ (nhiều hơn giai đoạn trước 7 dự án), với tổng kinh phí 7,474 tỷ đồng (so với 887 triệu đồng giai đoạn 2010 - 2015). Thông qua kết quả hợp tác đã tạo cơ hội cho cán bộ tham gia dự án được tiếp cận với các nền khoa học tiên tiến, mang lại lợi ích thiết thực; đồng thời, Nhà trường được đối tác quốc tế đầu tư thêm một số trang thiết bị, cơ sở vật chất và có nhiều cán bộ được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài. Trong quá trình triển khai các dự án giáo dục, nhiều cán bộ của Nhà trường đã tham gia các chương trình đào tạo ngắn hạn ở các trường như: Đại học Copenhagen (Đan Mạch), Viện NAIST, Viện Khoa học và Công nghệ Nara, Đại học Tottori, Đại học Shizuoka (Nhật Bản) và Đại học Chiang Mai (Thái Lan), Đại học Vrije Universiteit Brussel (Bỉ), Đại học Diak (Phần Lan).

Nổi bật các dự án quốc tế với tài trợ của nước ngoài trong lĩnh vực hỗ trợ đào tạo sau đại học và tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và sinh viên, có thể kể đến các dự án: “Tiểu dự án "Bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và hệ sinh thái ven biển dưới tác động của các hoạt động phát triển và biến đổi khí hậu" (2012 - 2018, 2019 - 2023); Dự án: Đổi mới toàn diện chương trình đào tạo dựa trên năng lực nhằm nâng cao giá trị cuộc sống ở Việt Nam do Erasmus của Liên minh Châu Âu EU tài trợ; Dự án: Tăng cường Năng lực số trong Giáo dục đại học cho các đại học châu Á (Hi Lạp) do Erasmus của Liên minh Châu Âu EU tài trợ Liên minh bền vững mạng lưới đô thị các TP Châu Á (SAUNAC).

- Về hợp tác với các đối tác quốc tế: Trong giai đoạn 2015 - 2020, Nhà trường đã tổ chức đón tiếp 387 đoàn khách quốc tế (trung bình 65 đoàn/năm), với tổng số 1034 người (trung bình 172 khách quốc tế/năm).

Trong giai đoạn này, Nhà trường đã ký kết hợp tác với 24 đối tác là trường đại học nước ngoài, trung bình ký 04 bản ghi nhớ hợp tác mỗi năm, trong đó chú trọng đến việc tăng cường khả năng hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, sinh viên thông qua các chương trình trao đổi cán bộ, sinh viên, trao đổi thông tin tài liệu, các công trình nghiên cứu khoa học, phối hợp với các đối tác nước ngoài tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề xây dựng và phối hợp thực hiện các dự án giáo dục.

- Về Hội nghị - Hội thảo quốc tế: Nhà trường đã tổ chức thành công 08 hội thảo quốc tế, trung bình tổ chức 02 hội thảo quốc tế/năm về các chuyên môn khác nhau như công nghệ sinh học, kiến trúc, công tác xã hội, lịch sử, môi trường. Ngoài ra, Nhà trường phối hợp với các đối tác nước ngoài tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn/seminar nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ giảng viên và sinh viên.

1.1.6. Tài chính và Cơ sở vật chất

1.1.6.1. Tài chính

Nhà trường tăng cường tìm kiếm, đề xuất và tận dụng mọi nguồn thu trong điều kiện có thể cho Nhà trường, trong đó thu học phí chiếm tỉ trọng cao nhất với 60%, ngân sách cấp chiếm 34%, thu dịch vụ và thu khác chiếm 06% trong tổng nguồn thu. Các nguồn thu đảm bảo chi đầy đủ về các chế độ cho viên chức, người lao động và các hoạt động đào tạo của Nhà trường. Từ năm 2016 đến 2020 tổng thu kinh phí của Trường đạt 456 tỷ và chi 415,31 tỷ.

Nhà trường đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ chi tiết, cụ thể cho tất cả các hoạt động, hàng năm có sự điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với tình hình mới, đảm bảo công khai, công bằng và hợp lý. Tiếp tục thực hiện khoán chi ngân sách cho các đơn vị, nhằm tăng hiệu quả và tiết kiệm chi tiêu ngân sách cho Nhà trường.

Tăng cường tìm kiếm, đề xuất và tận dụng mọi nguồn thu trong điều kiện có thể. Thực hiện tốt chính sách của Nhà nước, các quy định, hướng dẫn về chế độ thanh toán, thu - chi tài chính, quản lý tài sản, thuế thu nhập, chế độ lương, phụ cấp độc hại, đảm bảo an toàn lao động.

Nhà trường điều tiết hợp lý các hoạt động có thu, tăng cường phúc lợi tập thể. Dành một phần kinh phí thỏa đáng để đẩy mạnh các hoạt động văn nghệ, thể thao, hoạt động từ thiện, tham quan học tập của viên chức, người lao động và sinh viên.

Kết quả đạt được là mặc dù quy mô tuyển sinh có xu hướng giảm qua các năm, mức lương cơ bản của Nhà nước tăng theo lộ trình (năm 2020 tăng 23,14% so với năm 2016) nhưng Trường vẫn đảm bảo chi lương, chế độ cho viên chức, người lao động theo quy định của Nhà nước và lương tăng thêm theo quy định của quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường, chi cho con người năm 2016 là 54 tỷ đồng (chiếm 54%), năm 2020 là 47 tỷ đồng (chiếm 63,3%), bình quân 5 năm chiếm tỷ trọng 49,6% trong cơ cấu chi cho hoạt động đào tạo và cơ sở vật chất, duy trì ổn định chiếm 50% trong tổng chi toàn trường.

Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và các hoạt động, trong đó có lĩnh vực tài chính.

**Bảng 8: Tình hình thu chi của
Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế giai đoạn 2016 – 2020**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Năm				
		2016	2017	2018	2019	2020
A. Thu						
1	Ngân sách cấp					
1.1	Thường xuyên	32.422 (trong đó KHCN 1.173)	25.432 (trong đó KHCN 2.206)	27.997	33.558	32.288
1.2	Vốn xây dựng cơ bản	0				
2	Nguồn thu					
2.1	Học phí chính quy	43.326	42.313	45.802	57.345	46.385
2.2	Học phí không chính quy	14.879	16.354	5.286	3.373	6.159
2.3	NCKH&HTQT			847	1.009	1.361
2.4	Thu khác	5.263	8.475	1.991	2.261	1.820
Tổng thu		95.890	92.574	81.923	97.546	88.013
B. Chi						
1	Chi cho con người	54.047	54.015	47.152	45.652	47.110
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn					
2.1	Đào tạo	42.055	31.668	23.074	26.170	24.745
2.2	NCKH&HTQT	1.173	2.206	3.566	2.794	1.620
3	Chi cơ sở vật chất	2.725	1.706	2.076	829	929
Tổng chi		100.000	89.595	75.868	75.445	74.404

1.1.6.2. Cơ sở vật chất

Trang thiết bị phòng thực hành, thực tập phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường được bổ sung từ nhiều nguồn lực. Nhà trường đã tìm kiếm được các nguồn từ ngân sách khác nhau để tăng cường trang thiết bị thông qua các dự án của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Huế. Bên cạnh đó, còn có nguồn đầu tư đến từ các đề tài, dự án hợp tác quốc tế. Hàng năm, Nhà trường dành một phần ngân sách tự cân đối để bổ sung thêm trang thiết bị phòng thực hành, thí nghiệm của các khoa chuyên môn.

Năm 2018, được sự quan tâm của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường đã có dự án Tăng cường năng lực cho Khoa Báo chí – Truyền thông với tổng kinh phí trên 08 tỷ đồng, tài trợ việc xây dựng cơ sở vật chất thiết bị cho Nhà trường. Cũng thời gian đó, từ dự án tăng cường năng lực cho Khoa Kiến trúc, cũng được đầu tư trên 06 tỷ đồng để trang cấp thiết bị phòng thực hành, thí nghiệm của Khoa.

Năm 2019, bằng nguồn ngân sách tự cân đối, Nhà trường đã đầu tư hạ tầng cho Khoa Công nghệ thông tin với kinh phí hơn 01 tỷ đồng nhằm đáp ứng nhu cầu thực hành công nghệ thông tin của sinh viên toàn trường.

Năm 2020, với dự án đầu tư về hạ tầng công nghệ thông tin, Nhà trường được thụ hưởng một dự án với tổng kinh phí 15,66 tỷ đồng, phục vụ kịp thời cho nhu cầu cấp thiết của Nhà trường trong giai đoạn đổi mới và phát triển.

Từ năm 2017 đến 2018, Nhà trường đã đề xuất với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Huế và được cấp ngân sách để xây dựng Trung tâm thực hành thí nghiệm với tổng kinh phí gần 15 tỷ đồng. Cùng thời điểm đó, để vận hành được Trung tâm thì Nhà trường đã đầu tư hơn 02 tỷ đồng để hoàn thiện hệ thống nội thất đưa vào hoạt động phục vụ cho các Khoa Hoá học, Khoa Sinh học.

Ngoài việc tìm kiếm các dự án đầu tư từ ngân sách, Nhà trường đã sử dụng nguồn ngân sách thu từ học phí, lệ phí để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, sắp xếp lại phòng học, phòng thực hành thí nghiệm, phòng làm việc của các đơn vị trong Nhà trường. Cảnh quan của Nhà trường cũng được chú trọng chỉnh trang nâng cấp theo từng năm. Nhà trường luôn quan tâm bổ sung cơ sở vật chất lĩnh vực công nghệ thông tin: Hệ thống camera an ninh được lắp đặt trong các khu vực trọng yếu của Nhà trường, góp phần hiệu quả vào công tác giữ gìn an ninh, trật tự trong Nhà trường trang thiết bị phần cứng của hệ thống internet được duy tu bảo dưỡng tốt,

phát huy hiệu quả trong việc duy trì hoạt động của trang web nội bộ các phần mềm hỗ trợ công tác chuyên môn của Nhà trường Hệ thống quét mã QR để đáp ứng quản lý trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19, song song cùng với hệ thống quét mã vân tay để quản lý về kỷ luật lao động, nề nếp hành chính của viên chức, người lao động.

1.1.7. Những đóng góp phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, vùng và quốc gia

- Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế là một trong những trường đại học có truyền thống xây dựng và phát triển hơn 65 năm và trên 30 năm đào tạo hệ sau đại học. Nhà trường có đội ngũ viên chức, người lao động có kinh nghiệm và có trình độ chuyên môn cao. Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở các chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo đặc biệt là sự phù hợp với thực tiễn sản xuất, phát triển kinh tế, xã hội của khu vực miền Trung và đất nước, đã giúp cho sinh viên khi tốt nghiệp có khả năng thích ứng nhanh với công việc, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

- Trường có thể mạnh trong đào tạo là đa ngành nghề, lĩnh vực và đa cấp học như chính quy, hệ vừa làm vừa học, hệ liên thông, bằng hai..., tạo thuận lợi cho người học có sự lựa chọn khi thi tuyển vào Trường.

- Nhà trường có mạng lưới liên kết đào tạo trên khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước, góp phần phát triển về kinh tế - xã hội của địa phương, vùng và quốc gia về đào tạo, khoa học công nghệ, chuyển giao, phục vụ cộng đồng.

- Trường có thể mạnh về nghiên cứu khoa học và công nghệ, cụ thể là: đội ngũ cán bộ, giảng viên ngoài việc trực tiếp tham gia giảng dạy, còn thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học với các chương trình nghiên cứu, đề tài các cấp và trực tiếp tham gia những dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế cũng như những địa phương khác trong khu vực và trên cả nước.

- Vị thế của Nhà trường đã được khẳng định trong xã hội về chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, vì vậy luôn nhận được sự quan tâm ở trong nước và trên trường quốc tế. Người học tốt nghiệp của Nhà trường được đánh giá cao trên thị trường lao động.

1.2. Những tồn tại, khó khăn trong phát triển Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế giai đoạn 2016 – 2020

1.2.1. Trình độ đội ngũ viên chức và người lao động

Giai đoạn 2016 – 2020, trình độ học hàm, học vị của đội ngũ giảng viên tăng về số lượng, tuy nhiên, chất lượng đội ngũ giảng viên hiện nay chưa đáp ứng được nhu cầu đào tạo, nghiên cứu ngày càng tăng của Nhà trường. Bên cạnh đó, đội ngũ giảng viên của Nhà trường đang có sự mất cân đối về trình độ và chất lượng: sự thiếu hụt đội ngũ giảng viên có học hàm học vị ở các ngành đào tạo kỹ thuật, công nghệ và các ngành có tỷ lệ tuyển sinh cao. Ngược lại, với các khoa có đội ngũ giảng viên có học hàm, học vị cao như: Khoa Hóa học, Khoa Sinh học, Khoa Địa lý – Địa chất, Khoa Môi trường, Khoa Lịch sử, Khoa Ngữ Văn... tỷ lệ tuyển sinh thấp. Bên cạnh đó do phải thực hiện tái cấu trúc tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế nên khó khăn trong công tác tuyển dụng nguồn cán bộ dự trữ, kế cận.

Trình độ ngoại ngữ, tin học của giảng viên còn hạn chế, vì vậy chưa đáp ứng được nhu cầu trong liên kết đào tạo quốc tế hay mở các ngành đào tạo theo chương trình tiên tiến, chương trình hợp tác quốc tế giảng dạy bằng tiếng anh.

Năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học của một bộ phận giảng viên còn thấp. Theo thống kê trong 5 năm qua, Trường có 267 giảng viên, nhưng tổng số bài báo khoa học mà Nhà trường công bố là 847 bài. Trung bình mỗi năm có hơn 170 bài báo được công bố, trong đó 100 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành và 70 bài báo quốc tế.

Phương pháp dạy học, công tác thi, kiểm tra, đánh giá của giảng viên chậm đổi mới. Nội dung giảng dạy còn thiên về lý thuyết, sách vở, chưa phù hợp với đặc thù khác nhau của các môn học, đối tượng người học đào tạo chưa gắn chặt với chủ thể sử dụng, chưa gắn với đời sống kinh tế - xã hội chưa chuyển đổi mạnh theo nhu cầu xã hội chưa chú trọng giáo dục kỹ năng sống, rèn luyện các kỹ năng mềm (làm việc nhóm, ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao trình độ ngoại ngữ và hoạt động xã hội), chưa phát huy tính sáng tạo, năng lực thực hành của sinh viên.

1.2.2. Công tác đào tạo

- Công tác tuyển sinh của Nhà trường gặp nhiều khó khăn do nhu cầu xã hội (những ngành khoa học cơ bản) dẫn đến quy mô đào tạo chưa đạt được so với kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016 - 2020, do thị trường lao động có xu hướng dịch chuyển sang những ngành nghề thiên về kỹ thuật - công nghệ. Trong khi đó, Nhà

trường đã và đang đào tạo nhiều ngành khoa học cơ bản, cơ hội nghề nghiệp sau khi ra trường chưa hấp dẫn đồng thời các thị trường lao động lớn có xu hướng thu hút sinh viên đầu vào tốt hơn so với thị trường của tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Nguồn lực tài chính đầu tư cho công tác tuyển sinh hàng năm còn thấp, chưa đáp ứng được việc truyền tải thông tin rộng rãi đến đối tượng học sinh trung học phổ thông, nhất là các địa bàn xa thành phố Huế.

- Việc rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo dù đã được bàn thảo, tổ chức, nhưng vẫn chưa theo kịp tiến bộ của khoa học và thực tiễn, nhu cầu của doanh nghiệp. Chương trình đào tạo còn thiên về tính hàn lâm, lý thuyết thiếu nội dung thực hành, thực tập, thực tế phong phú hiệu quả để phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động.

- Mặc dù đã rất nỗ lực, nhưng Nhà trường chưa xây dựng thành công các chương trình đào tạo tiên tiến, chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình đào tạo liên kết với nước ngoài do nhu cầu người học và năng lực đội ngũ.

- Tiến độ và kết quả biên soạn giáo trình đại học chưa đáp ứng theo tiêu chí của kế hoạch, việc biên soạn giáo trình gặp nhiều khó khăn do kinh phí chi trả biên soạn giáo trình còn thấp, chưa đáp ứng, động viên và khuyến khích giảng viên biên soạn giáo trình. Bên cạnh đó, giảng viên của các đơn vị cũng chưa nhiệt tình trong việc biên soạn giáo trình.

- Nhà trường chưa có nhiều chương trình bồi dưỡng cho giảng viên về nâng cao chuyên môn, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá nâng cao năng lực ngoại ngữ, phương pháp giảng dạy.

- Khoa học cơ bản có vai trò là nền tảng để phát triển các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật,..., tạo điều kiện cơ bản để sáng tạo các sản phẩm mới và đảm bảo cho sự phát triển độc lập, bền vững. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, nhóm ngành này ít người học, lại không được nhà nước đầu tư bằng các khối ngành dịch vụ, công nghệ, trong khi đó phải thực nghiệm nhiều, chi phí đào tạo khá cao.

- Trong giai đoạn 2016 - 2020, quy định trong đào tạo sau đại học, đặc biệt trong đào tạo tiến sĩ có nhiều thay đổi, bổ sung, chỉnh sửa và ban hành mới. Các điều kiện về ngoại ngữ, xuất bản bài báo quốc tế đủ điều kiện cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án và quy định của người hướng dẫn hiện nay là một khó khăn lớn

trong công tác tuyển sinh, quản lý và triển khai đào tạo, đặc biệt các ngành khoa học xã hội và nhân văn.

- Đội ngũ cán bộ giảng dạy từ tiến sĩ, phó giáo sư trở lên tăng về số và chất lượng nhưng vẫn chưa đáp ứng nhu cầu, nhất là đối với ngành mới, chuyên ngành hẹp. Số lượng cán bộ cũng có sự biến động qua các năm (nghỉ hưu, chuyển công tác). Do vậy, một số ngành phải kéo dài thời gian giảng dạy của giảng viên có chuyên môn cao khi đã hết tuổi lao động hoặc kí hợp đồng với cán bộ hưu trí nhằm đảm bảo quy định duy trì mã ngành.

- Sự gia tăng cơ sở đào tạo trong cả nước đã tạo ra sự cạnh tranh giữa các trường có đào tạo sau đại học. Việc cùng một lúc tồn tại nhiều cơ sở đào tạo sau đại học tìm cách để thu hút người học đã dẫn đến tình trạng cạnh tranh không lành mạnh giữa các cơ sở đào tạo.

- Việc phát triển đào tạo sau đại học còn thiếu tính chiến lược, chưa có sự chuẩn bị trước về đội ngũ, về cơ sở vật chất cho việc mở mã ngành mới và gia tăng quy mô tuyển sinh. Mặt khác, quy mô tuyển sinh tăng nhưng không đồng đều giữa các ngành và thiếu ổn định. Một số mã ngành bế tắc đầu vào, phải tạm dừng tuyển sinh và tạm dừng đào tạo, nhưng chưa có giải pháp khắc phục thiếu sự liên kết, liên thông dẫn đến tình trạng số lượng mã ngành đào tạo khá lớn nhưng hiện nay số học viên cùng ngành trong một khóa đào tạo rất thấp, phải học ghép, gia hạn, chuyển đổi chuyên ngành.

- So với nhu cầu của đào tạo sau đại học, hệ thống cơ sở vật chất còn khá hạn chế. Trường vẫn chưa có phòng bảo vệ luận án đạt chuẩn, thiết bị dạy học hiện đại (máy chiếu, tivi) chưa đủ, chưa đáp ứng yêu cầu đào tạo.

- Thiếu hụt các chương trình đào tạo trong các lĩnh vực mới như công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ vật liệu mới, công nghệ chế tạo máy, tự động hóa, công nghệ sinh học và môi trường. Đa phần các chương trình đào tạo hiện nay chưa thực sự đổi mới so với nhu cầu của xã hội, vì vậy, không thể đáp ứng được yêu cầu đào tạo nhân lực của doanh nghiệp và thị trường lao động trong bối cảnh cách mạng công nghệ 4.0.

- Chất lượng chương trình đào tạo còn hạn chế và thiếu tính thực tế, chủ yếu vẫn tập trung đào tạo đơn ngành chưa tích hợp được các vấn đề toàn cầu để trang bị cho người học những kiến thức tổng hợp cùng các kỹ năng xã hội cần thiết.

1.2.3. Về công tác Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục

- Chưa xây dựng ngân hàng câu hỏi thi/đề thi đối với bậc đào tạo sau đại học.
- Tỷ lệ các học phần có ngân hàng câu hỏi thi bằng hình thức trắc nghiệm còn thấp.
- Tiến độ thực hiện kiểm định chất lượng chương trình đào tạo chưa đạt tiến độ.
- Công tác khảo sát ý kiến các bên liên quan có tỷ lệ phản hồi không cao.

1.2.4. Cơ sở vật chất

Có thể nói trong những năm qua, Nhà trường đã có những cố gắng lớn trong đầu tư cơ sở vật chất phục vụ dạy và học. Trong 5 năm, mặc dù nguồn tài chính Nhà trường gặp nhiều khó khăn, nhưng Nhà trường đã chú trọng đầu tư cho cơ sở vật chất, đầu tư cho công tác đào tạo. Tuy nhiên, Nhà trường còn thiếu về cơ sở, vật chất, trang thiết bị dạy học hiện đại tiên tiến, có khả năng ứng dụng khoa học công nghệ cao vào trong công tác dạy và học.

Giai đoạn hiện nay, khó khăn lớn nhất mà Nhà trường phải đối mặt là vấn đề tài chính. Khi tiến hành tự chủ một phần theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nguồn kinh phí thường xuyên và chi đầu tư từ ngân sách nhà nước bị cắt giảm qua từng năm. Trong khi đó nguồn tuyển sinh giảm, không ổn định đầu vào, chủ yếu khu vực miền Trung là địa phương nghèo, thu nhập thấp.

1.3. Bài học kinh nghiệm từ thực hiện Kế hoạch Chiến lược phát triển Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế giai đoạn 2016 – 2020

Thứ nhất, xác định vai trò của cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và từng viên chức, người lao động và nghiên cứu viên, sinh viên của Nhà trường là yếu tố vô cùng quan trọng trong việc thực hiện Kế hoạch Chiến lược phát triển Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế giai đoạn 2016 – 2020. Công tác xây dựng Đảng là nhân tố thiết yếu để sự lãnh đạo của Đảng ủy Trường được hiệu quả, kịp thời trong hoạt động của từng đơn vị trong Nhà trường. Đảng ủy thường xuyên giám sát và kịp thời điều chỉnh khi có những thay đổi về Nghị quyết, chủ trương xác định phương hướng nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát xây dựng kế hoạch thực hiện công tác đào tạo toàn diện, đồng bộ, bám sát các mục tiêu/chỉ tiêu của kế hoạch chiến lược phát triển Trường trong từng giai đoạn cụ thể đốc thúc các đơn vị thực hiện đúng và hiệu quả lộ trình đã đặt ra.

Thứ hai, thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản chỉ đạo điều hành của Nhà trường để tạo khung pháp lý cho các đơn vị thực hiện và kịp thời đôn đốc, tháo gỡ, giải quyết những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn của Nhà trường. Tiếp tục hoàn thiện chính sách đãi ngộ, tôn vinh đội ngũ giảng viên của Nhà trường có nhiều cống hiến và thành tích.

Thứ ba, chú trọng công tác xây dựng, tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, chuyên viên, cán bộ quản lý, bảo đảm đội ngũ có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo, có khả năng thích ứng với dạy học trực tuyến, đào tạo từ xa, có phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao, tâm huyết và tận tụy với nghề. Nhà trường cần có quy hoạch, kế hoạch bồi dưỡng trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, nâng dần chuẩn giảng viên có trình độ, phát huy hiệu quả trong toàn trường, đề án có sử dụng ngân sách nhà nước, các chương trình học bổng hiệp định và một số học bổng song phương.

Thứ tư, tăng cường các nguồn lực để đầu tư cho hoạt động đào tạo ưu tiên đầu tư nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm bảo đảm tính khả thi và nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành. Tập trung nguồn lực để xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy chế, quy định để quản lý nội bộ.

Thứ năm, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát nội bộ theo hướng trọng tâm, trọng điểm xử lý nghiêm, đúng luật pháp, nội quy và công khai đối với các vi phạm để duy trì trật tự, kỷ cương, nề nếp các hoạt động giáo dục đào tạo của Nhà trường, phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời các biểu hiện tiêu cực, tăng cường kiểm tra kết quả thực hiện kết luận sau thanh tra, kiểm tra.

Thứ sáu, làm tốt công tác truyền thông, tạo sự đồng thuận của tập thể cán bộ viên chức và người lao động trong toàn trường. Công tác truyền thông, tuyên truyền cần phải được chủ động, đẩy mạnh và song hành với các hoạt động của Nhà trường, tạo sự đoàn kết thống nhất cao trong viên chức, người lao động.

Thứ bảy, tích cực mở rộng liên kết đào tạo, hoạt động khoa học công nghệ với các đại học danh tiếng nước ngoài để tận dụng thế mạnh của các đại học đi trước, đại học đẳng cấp quốc tế giúp cho Nhà trường “đi tắt, đón đầu” trong quá trình xây dựng và phát triển. Chú trọng liên kết, hợp tác quốc tế và triển khai nhiều giải pháp đồng bộ để sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm việc cả trong nước cũng như quốc tế, hướng đến trở thành công dân toàn cầu.

Thứ tám, phát huy tính kiên quyết, năng động, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện của tập thể lãnh đạo Nhà trường và các đơn vị sự phối hợp nhịp nhàng của các tổ chức chính trị, xã hội trong Nhà trường. Thường xuyên bám sát và tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Đại học Huế sự giúp đỡ của các bộ, ban, ngành trung ương và địa phương trong tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường.

PHẦN II

BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC, ĐẠI HỌC HUẾ

2.1. Bối cảnh thế giới

Quá trình ứng dụng công nghệ, khoa học dữ liệu và sử dụng trí tuệ nhân tạo phục vụ sản xuất và cuộc sống con người, là bản chất của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0), đã và đang tạo ra những thay đổi vượt bậc trong thời đại công nghệ số. Các sáng chế và tiến bộ khoa học có mặt ở khắp các lĩnh vực, như trí tuệ nhân tạo, robotics, internet vạn vật, xe tự lái, công nghệ sinh học, công nghệ Na-no, công nghệ in 3D, khoa học vật liệu, máy tính lượng tử,... tác động đến hầu hết các ngành công nghiệp với một tốc độ nhanh chóng. CMCN 4.0 đem lại nhiều điều kiện thuận lợi, giúp con người khám phá nhiều tri thức mới, nâng cao quy mô và chất lượng nền kinh tế, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất. Ngược lại, cuộc cách mạng này cũng có thể dẫn đến sự bất bình đẳng xã hội sâu sắc khi các công nghệ mới sẽ thay thế các công việc sử dụng nhiều lao động. Điều này càng có ý nghĩa khi Việt Nam đang dịch chuyển rất nhanh từ cấu trúc “dân số vàng” sang giai đoạn già hóa dân số. Do đó, đây được coi là thách thức lớn nhất do cuộc cách mạng này mang lại. Bên cạnh đó, còn một thách thức khác là làm sao để tạo ra các công việc yêu cầu kỹ năng cao hơn dành cho con người khi các công nghệ tự động đã và đang thay thế lao động trong rất nhiều các công việc hằng ngày.

Trong sự tác động ấy, giáo dục hiện đại, đặc biệt là giáo dục đại học cần được thay đổi toàn diện theo hướng hợp nhất các loại công nghệ, làm xóa nhòa ranh giới giữa lĩnh vực vật lý, kỹ thuật số và sinh học với trung tâm là phát triển trí tuệ nhân tạo, robot hóa, internet vạn vật, khoa học vật liệu, sinh học, công nghệ di động không dây liên ngành sâu rộng cho tự động hóa sản xuất chế tạo. Đây là cơ sở để xây dựng một nền sản xuất “thông minh”, trong đó các máy móc được kết nối internet và liên kết với nhau qua một hệ thống có thể tự vận hành toàn bộ quá trình sản xuất theo một kế hoạch đã được xác lập từ trước. Vì vậy, nhiệm vụ đặt ra đối với ngành Giáo dục là cần phải có định hướng cụ thể để thích ứng với thời cuộc, để đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng với yêu cầu đòi hỏi của thị

trường lao động. Bởi, nguồn nhân lực chất lượng cao luôn là yếu tố quyết định cho sự phát triển.

2.1.1. Bối cảnh giáo dục đại học trên thế giới

Sự phát triển của khoa học và công nghệ ngày càng ảnh hưởng sâu sắc đến mọi mặt kinh tế, xã hội, trong đó giáo dục đại học cũng đã chịu sự ảnh hưởng không nhỏ của cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Những khám phá trong công nghệ ngày càng diễn ra nhanh chóng, chu kỳ phát triển ngày càng ngắn lại. Nhiều lĩnh vực đã có sự phát triển vượt bậc như: điện toán đám mây, cơ sở dữ liệu lớn, Internet kết nối vạn vật, trí tuệ nhân tạo, chatbot trong các lĩnh vực, tự động hóa và robot, công nghệ in ba chiều, công nghệ nano, sản xuất và lưu trữ năng lượng, v.v., đem lại nhiều tiện nghi sống cho con người, đồng thời đặt ra nhiều thách thức cho việc nghiên cứu, thích nghi với những bước phát triển mới. Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng ngày càng ảnh hưởng đến chiến lược phát triển đại học của các nước trên thế giới. Một mặt, các trường đại học phải nỗ lực nghiên cứu, phát triển chương trình đào tạo nhằm thu hút những sinh viên xuất sắc, mặt khác, cần phải có sự chia sẻ, cộng tác với các trường đại học còn lại, các công ty doanh nghiệp nhằm mở rộng mối quan hệ, giao lưu học thuật để làm phong phú thêm cho quá trình đào tạo. Thế giới bên cạnh xu hướng chủ đạo là hòa bình, vẫn còn xung đột cục bộ ở nhiều nơi với nhiều điểm nóng và có khả năng phát sinh những cuộc chiến tranh trên quy mô lớn. Điều này làm ảnh hưởng đến môi trường giáo dục đại học thế giới, nhất là trong vấn đề hợp tác, trao đổi giảng viên và sinh viên.

2.1.2. Ảnh hưởng đại dịch Covid-19 trên phạm vi toàn cầu

Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng sâu sắc đến nền kinh tế thế giới, từ tình hình người mắc bệnh và tử vong có những thời điểm tăng cao dẫn đến hậu quả đi lại giữa các quốc gia và các địa phương có những hạn chế tại những thời điểm nhất định làm chuỗi sản xuất, cung ứng bị đứt gãy. Kinh tế thế giới lâm vào một cuộc suy thoái nghiêm trọng, tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu sụt giảm, nhiều quốc gia đã lâm vào bối cảnh suy thoái, lãi suất tăng mạnh, lạm phát tăng nhanh đã đem lại nhiều khó khăn cho đời sống của người dân. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến chính sách giao lưu, hợp tác của các trường đại học trên thế giới.

2.2. Bối cảnh trong nước

2.2.1. Bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam

Giáo dục đại học của Việt Nam trong những năm trở lại đây đã có những thay đổi nhanh chóng, cùng với sự ra đời của hàng trăm trường đại học, là sự khó khăn của nhiều đơn vị trong việc tuyển sinh, đào tạo nhất là các trường đại học địa phương. Bên cạnh những cơ chế mở được quy định trong Luật Giáo dục đại học sửa đổi như quyền tự chủ của trường đại học trong các vấn đề về nhân sự, tài chính, học thuật,... thì giáo dục đại học Việt Nam vẫn còn thiếu nhiều khung pháp lý dưới luật để hướng dẫn cụ thể cho việc thực thi quyền tự chủ đại học. Sự chông chéo giữa luật giáo dục đại học sửa đổi với các luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam cũng gây khó khăn không nhỏ cho việc thực hiện quyền tự chủ của các trường đại học.

Hợp tác quốc tế của các trường đại học ngày càng đa dạng và xu hướng các trường đại học quốc tế đến hợp tác, đặt trụ sở tại Việt Nam để đào tạo ngày càng nhiều. Tính cạnh tranh trong giáo dục đại học ngày càng rõ nét và chuyển đổi giáo dục đại học từ một ngành nghề phi lợi nhuận, chủ yếu đào tạo phục vụ xã hội sang một ngành nghề cạnh tranh với tiêu chuẩn lấy sự hài lòng của người học làm trung tâm của chiến lược phát triển.

2.2.2. Bối cảnh nhu cầu nguồn nhân lực Việt Nam

Sự phát triển của kinh tế cùng với đó là sự chuyển dịch cơ cấu ngành nghề đã làm cho thị trường lao động biến đổi một cách sâu sắc. Nhu cầu lao động của các ngành nghề về kỹ thuật và công nghệ đang có xu hướng phát triển nhanh, trong khi đó, nhu cầu việc làm cho các ngành khoa học cơ bản đang có sự sụt giảm mạnh. Điều này đã gây không ít khó khăn cho những trường đại học đào tạo những ngành khoa học cơ bản.

Vị trí việc làm ở các doanh nghiệp của khối tư nhân ngày càng nhiều, mức lương hấp dẫn, tính cạnh tranh lớn và chú trọng vào kỹ năng làm việc thay cho các bằng cấp trong đào tạo, ngược lại, ở các đơn vị của khối nhà nước, số lượng người làm việc ngày càng giảm do nhu cầu tinh giản biên chế làm cho việc đào tạo các ngành khoa học xã hội gặp nhiều khó khăn.

PHẦN III
CƠ SỞ VÀ NỀN TẢNG XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC, ĐẠI HỌC HUẾ
GIAI ĐOẠN 2021 – 2030, TẦM NHÌN 2040

3.1. Căn cứ pháp lý

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Luật Giáo dục đại học năm 2012 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018.

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/10/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/10/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học.

- Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

- Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 27/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Quyết định số 6156/QĐ-BGDĐT ngày 26/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt Dự án đầu tư giai đoạn II xây dựng Đại học Huế.

- Thông tư số 24/2015/TT-BGDĐT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục đại học.

- Thông báo số 38/TB-VPCP ngày 24/01/2018 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại buổi làm việc với Đại học Huế.

- Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên.

- Quyết định số 2114/QĐ-BKHCN ngày 31/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch của Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 27/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Thông báo số 619/TB-BGDĐT ngày 03/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo Kết luận của Bộ trưởng Phùng Xuân Nhạ tại buổi làm việc với Đại học Huế.

- Thông báo số 1026/TB-BGDĐT ngày 08/10/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo Kết luận của Bộ trưởng Phùng Xuân Nhạ tại buổi làm việc với tỉnh Thừa Thiên Huế và Đại học Huế.

- Công văn số 27-CV/BCS ngày 25/01/2021 của Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Đại học Quốc gia Huế và Đại học Quốc gia Đà Nẵng.

- Công văn số 1551/VPCP-KGVX ngày 11/3/2021 của Văn phòng Chính phủ về việc phát triển Đại học Huế thành đại học quốc gia.

- Thông báo số 459/TB-BGDĐT ngày 10/5/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo Kết luận của Thứ trưởng Hoàng Minh Sơn tại buổi làm việc với Đại học Huế.

- Quyết định số 3615/QĐ-UBND ngày 19/10/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Đại học Huế (Khu Trường Bìa thuộc xã Thủy An và phường An Cựu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế).

- Chương trình số 69-CTr/TU ngày 03/02/2020 của Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 54-

NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Đại học Huế lần thứ VI, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Nghị quyết số 36/NQ-HĐĐH ngày 20/5/2022 của Hội đồng Đại học Huế ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế.

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế lần thứ X, nhiệm kỳ 2020 – 2025.

- Nghị quyết số 15/NQ-HĐT ngày 12/10/2021 của Hội đồng Trường Đại học Khoa học về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

- Quyết định số 424/QĐ-ĐHH ngày 04/3/2020 của Giám đốc Đại học Huế về việc phê duyệt Đề án tái cấu trúc Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

- Quyết định số 2105/QĐ-ĐHH ngày 23/12/2022 của Giám đốc Đại học Huế về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế giai đoạn 2022 – 2026.

3.2. Cơ sở thực tiễn

3.2.1. Điểm mạnh và điểm yếu

3.2.1.1. Điểm mạnh

- Cơ cấu tổ chức của Nhà Trường được xây dựng trên cơ sở Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế, đã tác động tích cực đến việc bảo đảm sự ổn định, thống nhất về cơ cấu tổ chức bộ máy và công tác quản lý, điều hành các hoạt động của Trường.

- Các Phòng chức năng đã nắm rõ quy định về chức năng, nhiệm vụ của đơn vị để kịp thời tham mưu, giúp việc cho Ban Giám hiệu, trực tiếp là Hiệu trưởng trong các mảng hoạt động quan trọng của Trường như: Tổ chức bộ máy, công tác nhân sự Đào tạo, Khoa học công nghệ, Hợp tác quốc tế, Tài chính và Cơ sở vật chất, Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục...

- Đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học, cơ bản đáp ứng tốt nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế đa ngành, đa lĩnh vực. Đội ngũ cán bộ hành chính, phục vụ có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ngày càng đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế của Nhà trường.

3.2.1.2. Điểm yếu

- Đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao giữa các đơn vị trong Nhà Trường chưa cân đối những ngành khoa học cơ bản giảng viên có trình độ chuyên môn cao có thì số lượng sinh viên ít, hoặc ngược lại những ngành khoa học công nghệ, kỹ thuật... số lượng sinh viên đông nhưng đội ngũ giảng viên có học hàm, học vị cao có tỷ lệ chưa đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

- Các đề tài nghiên cứu khoa học chủ yếu về lý thuyết, nghiên cứu cơ bản số lượng đề tài, dự án có ứng dụng thiết thực, mang lại lợi ích cho cộng đồng, cho địa phương còn hạn chế.

- Cơ sở vật chất chưa đáp ứng được nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học trong thời kỳ đổi mới. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy và học, chuyển đổi số vẫn còn hạn chế.

- Ý thức xây dựng “văn hóa chất lượng” của cán bộ và sinh viên trong Nhà trường chưa cao, chưa đồng đều.

3.2.2. Cơ hội và thách thức

3.2.2.1. Cơ hội

- Chính sách, chủ trương của Chính phủ về đổi mới giáo dục đã tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các trường đại học.

- Nhu cầu đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước hiện tại và tương lai rất lớn.

- Trong bối cảnh, xu thế hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay đã tạo điều kiện thuận lợi, có nhiều cơ hội để Nhà trường mở rộng và đẩy mạnh các hoạt động hợp tác với các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước rất lớn.

- Công tác bảo đảm chất lượng giáo dục được xã hội quan tâm, là điều kiện tất yếu để Nhà Trường đẩy mạnh các hoạt động nhằm duy trì và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thương hiệu đào tạo của Nhà trường trong xã hội.

3.2.2.2. Thách thức

- Sự cạnh tranh của các trường đại học cùng nhóm ngành trong nước, khu vực, đặc biệt là các trường đại học quốc tế ở Việt Nam ngày càng gay gắt, người học có nhiều cơ hội lựa chọn trường đại học có chất lượng, phù hợp để học tập.

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và cán bộ hành chính, phục vụ chưa thật sự đáp ứng với yêu cầu của sự phát triển nhanh chóng về khoa học, công nghệ và yêu cầu ngày càng cao về chất lượng sản phẩm đào tạo.

- Cơ chế chính sách tuyển dụng người tài, đãi ngộ người có chuyên môn cao vẫn còn vướng mắc trong chi trả lương và thủ tục tuyển dụng... việc tinh giản biên chế người không có năng lực, chuyên môn còn bị ràng buộc bởi văn bản pháp luật.

- Khó khăn trong việc tạo nguồn thu ngoài ngân sách hỗ trợ hạn hẹp của Nhà nước từng bước thực hiện tự chủ nguồn thu để đảm bảo cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và nâng cao đời sống của viên chức, người lao động.

3.3. Nền tảng chiến lược phát triển

3.3.1. Sứ mạng

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao nghiên cứu cơ bản và ứng dụng, chuyển giao công nghệ về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn và kỹ thuật - công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

3.3.2. Tầm nhìn

Đến năm 2030, là trường đại học nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực tiêu biểu bậc nhất ở miền Trung, Tây Nguyên, là cơ sở đào tạo có uy tín ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

3.3.3. Giá trị cốt lõi

“Sáng tạo - Nhân văn - Thích ứng” (Tên tiếng Anh “Creativity – Humanity – Adaptation”)

Sáng tạo: Quá trình giáo dục lấy mục đích hướng đến việc tự do sáng tạo để tìm ra cái mới. Người học được tự do trong tư tưởng để truy cầu chân lý và thực nghiệm khoa học. Người dạy được tạo điều kiện tìm tòi sáng tạo nên những cách thức truyền thụ mới, những công trình nghiên cứu khoa học mới. Chấp nhận rủi ro và thất bại cho các ý tưởng sáng tạo nhằm khuyến khích tư duy cách tân, khởi nghiệp và phản tư. Sáng tạo là nền tảng của sự đổi mới và khai phóng trong các hoạt động.

Nhân văn: Lấy con người làm trung tâm trong mọi hoạt động giáo dục và nghiên cứu khoa học. Xây dựng nền tảng văn hoá giáo dục vì sự tiến bộ toàn diện của con người. Chú trọng tính đạo đức nhân văn, các giá trị văn hoá mang bản sắc dân tộc. Phát triển con người một cách toàn diện. Gắn tri thức, tinh thần khoa học với những giá trị nhân bản, lòng yêu nước, tinh thần tự cường dân tộc.

Thích ứng: Quá trình đào tạo phải thích ứng với hoàn cảnh mới, yêu cầu mới, trình độ và tiêu chuẩn mới của xã hội Việt Nam đương đại và hướng đến nhu cầu

hội nhập quốc tế, toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ. Sự đổi mới chương trình, cập nhật tri thức, phương pháp đào tạo mới là yêu cầu bắt buộc, giúp người học có thể thích ứng với yêu cầu của vị trí việc làm trong thực tiễn.

3.3.4. Triết lý giáo dục

“Sáng tạo tri thức - Gắn kết thực tiễn - Kiến tạo tương lai”

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế là địa chỉ đáng tin cậy trong việc truyền thụ và tiếp thu những tri thức khoa học và giá trị nhân văn. Tôn chỉ của quá trình giáo dục của Nhà trường là tiếp thu tinh hoa tri thức của tiền nhân nhằm sáng tạo nên những giá trị mới, tri thức mới. Sáng tạo tri thức là động lực của phát triển và tiến bộ xã hội. Quá trình đào tạo hướng đến tính thực hành, thực tiễn, giúp người học có thể thích nghi nhanh với yêu cầu của vị trí việc làm trong xã hội. Quá trình học tập tại Nhà trường là thời gian trưởng thành toàn diện trên phương diện nhân cách và tri thức, nhằm chuẩn bị cho một tương lai bay cao và bay xa, nơi chấp cánh cho những giấc mơ của người học.

3.3.5. Mục tiêu

3.3.5.1. Mục tiêu chung

Xây dựng Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế trở thành trường đại học nghiên cứu, đa ngành, đa lĩnh vực về khoa học cơ bản và ứng dụng có uy tín và năng lực hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới.

3.3.5.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu 1. Xây dựng bộ máy của Nhà trường tinh gọn, hiệu quả phù hợp với quy định của Luật Giáo dục đại học. Hệ thống quản trị đại học của Trường được vận hành có hiệu quả trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin và công nghệ quản lý. Xây dựng đội ngũ giảng viên có phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp, năng lực, trình độ chuyên môn cao, có năng lực thực tiễn và hội nhập quốc tế. Đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ có tác phong công sở hiện đại, văn minh, chuyên nghiệp. Đến năm 2025, phấn đấu 100% viên chức hành chính đạt các yêu cầu theo tiêu chuẩn tại khung năng lực vị trí việc làm của Trường, có khả năng ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin trong giải quyết công việc.

Mục tiêu 2. Giữ vị thế là một trong những cơ sở đào tạo, phát triển hợp lý các chương trình, ngành, chuyên ngành đào tạo theo hướng đa ngành, liên ngành, hội nhập đào tạo ở khu vực không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo để đáp ứng

chuẩn mực đầu ra và nhu cầu của xã hội đa dạng hóa các loại hình đào tạo theo hướng xã hội hóa trên cơ sở khai thác hiệu quả tiềm năng phát triển của Trường.

Mục tiêu 3. Duy trì chuẩn mực chất lượng giáo dục đại học và không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo, khoa học công nghệ nhằm nâng cao vị thế của Nhà trường trong nước và quốc tế.

Mục tiêu 4. Xây dựng cơ chế quản lý về nghiên cứu khoa học, đầu tư kinh phí cho các hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng tăng dần tỉ lệ thu – chi đối với hoạt động khoa học công nghệ của Trường.

Mục tiêu 5. Thực hiện hiệu quả cơ chế tài chính thu – chi theo quy định cơ sở hạ tầng, kỹ thuật trang thiết bị được đầu tư bài bản theo hướng hiện đại nhất là hệ thống giảng đường, thư viện đảm bảo phương tiện cho đội ngũ viên chức hành chính.

T
E
K

PHẦN IV

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC, ĐẠI HỌC HUẾ, GIAI ĐOẠN 2021 – 2030, TẦM NHÌN 2040

4.1. Chiến lược 1. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ

4.1.1. Tầm nhìn và mục tiêu

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế là trường khoa học cơ bản duy nhất ở miền Trung và Tây Nguyên, là cơ sở đào tạo đại học, sau đại học về các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, kỹ thuật, công nghệ, kiến trúc nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, là nơi cung cấp nguồn nhân lực và sản phẩm khoa học công nghệ chất lượng cao, đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, mà trực tiếp là các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên. Nhà trường hướng tới đổi mới cơ cấu tổ chức và xây dựng mô hình quản lý tinh gọn phù hợp với mô hình đại học nghiên cứu không ngừng nâng cao trình độ, năng lực đội ngũ đáp ứng yêu cầu tự chủ và định hướng đại học nghiên cứu gắn liền với khơi dậy khát vọng phát triển trường, tinh thần trách nhiệm, cống hiến vì tập thể.

4.1.2. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

1) Cập nhật và hoàn thiện hệ thống văn bản nội bộ phù hợp với các quy định của pháp luật, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và tình hình thực tế hoạt động của Nhà trường.

2) Đẩy mạnh phát triển chất lượng và hiệu quả trong việc xây dựng kế hoạch, ra quyết định, giám sát, đánh giá thực hiện dựa trên các quy định của pháp luật cũng như phù hợp với nhu cầu phát triển thực tế của Nhà trường.

3) Đổi mới, cải tiến công tác thi đua, khen thưởng nhằm khuyến khích sự cố gắng nỗ lực của cá nhân, đơn vị. Tiếp tục thực hiện chính sách ưu tiên giao nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu đối với viên chức, người lao động trẻ để bồi dưỡng, sớm đạt chuẩn chức danh học vị tiến sĩ và học hàm phó giáo sư.

4) Rà soát và điều chỉnh, cụ thể hóa Đề án vị trí việc làm để xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức hợp lý. Đổi mới phương thức đánh giá, xếp loại chất lượng đơn vị, viên chức và người lao động gắn với hiệu quả công việc và sản phẩm đầu ra.

5) Xây dựng bộ tiêu chí, tiêu chuẩn quy định năng lực viên chức đánh giá mức độ thực hiện công việc theo chỉ số KPI, có cơ chế khen thưởng – kỷ luật nhằm

thúc đẩy người lao động trong Nhà trường nâng cao trình độ, năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ.

6) Xây dựng đội ngũ viên chức, người lao động có đủ phẩm chất, năng lực, số lượng và cơ cấu hợp lý, bảo đảm sự chuyển tiếp vững vàng, liên tục giữa các thế hệ cán bộ quản lý và giảng viên, với bốn mục tiêu cụ thể: Đảm bảo số lượng và chất lượng đội ngũ viên chức, người lao động đáp ứng quy mô đào tạo của Trường; Bố trí nhân sự hợp lý đảm bảo thực hiện có chất lượng và hiệu quả theo vị trí công việc; Đảm bảo các chính sách thu nhập, đãi ngộ phù hợp. Tạo môi trường giáo dục đại học năng động, sáng tạo thu hút được nhân tài.

7) Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho viên chức, người lao động trên cơ sở đảm bảo dân chủ, công bằng, công khai về chế độ đãi ngộ, phân phối thu nhập và phúc lợi.

4.1.3. Kế hoạch thực hiện chiến lược

Bảng 9. Kế hoạch thực hiện chiến lược về Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ

Stt	Nhiệm vụ	Sản phẩm dự kiến	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành
1	Rà soát, điều chỉnh bổ sung các văn bản phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế hoạt động của Nhà trường	Hoàn thiện các văn bản quản lý, điều hành mọi mặt hoạt động hướng đến phân cấp, phân quyền đến từng cá nhân, tập thể	Năm 2021	Năm 2030
2	Đẩy mạnh công tác thanh tra, giám sát các hoạt động của Nhà trường	- Xây dựng kế hoạch thanh tra theo từng năm học, theo từng lĩnh vực có trọng điểm, trọng tâm - Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ thanh tra	Năm 2021	Năm 2030
3	Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức đảng, đoàn thể để xây dựng và phát triển Trường	Tăng cường xây dựng mối quan hệ với các cấp, các tổ chức đảng, đoàn thể	Năm 2021	Năm 2030
	Đẩy mạnh và hiện đại hoá công tác cải cách hành chính, xây dựng vận hành chuyển đổi số trong Nhà trường	- Hoàn thiện hệ thống quản lý văn bản của Nhà trường - Xây dựng phần mềm quản lý lưu trữ văn bản, thống nhất trong các đơn vị của Nhà trường	Năm 2021	Năm 2030

	Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh và xây dựng thương hiệu Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế	Quảng bá hình ảnh và xây dựng thương hiệu Trường có trọng tâm, trọng điểm	Năm 2021	Năm 2030
4	Hoàn thiện và xây dựng quy định về công tác thi đua, khen thưởng hằng năm thi đua, khen thưởng thường xuyên và đột xuất	- Hoàn thiện và xây dựng quy định thi đua, khen thưởng của Trường - Đề xuất các hình thức thi đua, khen thưởng thường xuyên của Trường - Xây dựng tiêu chí đẩy mạnh công tác thi đua trong các đơn vị thuộc Trường.	Năm 2024	Năm 2030
5	Hoàn thiện chính sách quy định thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học đối với viên chức, người lao động phù hợp với quy định và tình hình thực tiễn của Nhà trường	- Rà soát trình độ viên chức, người lao động - Cân đối ngân sách đưa ra chính sách kinh phí thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường.	Năm 2021	Năm 2030
6	Bố trí sử dụng viên chức, người lao động đúng với vị trí việc làm để phát huy tốt năng lực sáng tạo và tính chuyên nghiệp.	- Rà soát đội ngũ viên chức, người lao động - Đề xuất chính sách đối với hợp đồng lao động phù hợp với quy định và thực tiễn.	Năm 2023	Năm 2030
7	Xây dựng điều kiện, tiêu chuẩn đánh giá xếp loại chất lượng viên chức, người lao động theo hướng định lượng hoá, hướng tới sử dụng chỉ số KPI trong đánh giá hiệu quả công việc	Rà soát, điều chỉnh bộ đánh giá xếp loại chất lượng viên chức, người lao động	Năm 2024	Năm 2030
8	Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức, người lao động về chuyên môn nghiệp vụ, tin học và kỹ năng lãnh đạo, quản lý phù hợp với yêu cầu công việc đảm nhiệm.	- Chương trình bồi dưỡng, đào tạo viên chức, người lao động. - Đề án nâng cao năng lực tin học văn phòng cho đội ngũ chuyên viên của Trường.	Năm 2021	Năm 2030

9	Lập quy hoạch phát triển đội ngũ trên cơ sở nhu cầu vị trí việc làm của từng đơn vị đến năm 2030 đảm bảo tính liên tục và kế thừa thực hiện giao chỉ tiêu tiến sĩ, giáo sư, phó giáo sư hàng năm đối với các đơn vị trực thuộc.	- Quy hoạch phát triển đội ngũ chuyên môn giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn 2030. - Giao chỉ tiêu tiến sĩ, phó giáo sư, giáo sư giai đoạn 2022 – 2025.	Năm 2021	Năm 2030
10	Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho viên chức, người lao động trên cơ sở đảm bảo dân chủ, công bằng, công khai về chế độ đãi ngộ, phân phối thu nhập/phúc lợi.	Đề án nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho viên chức, người lao động	Năm 2021	Năm 2030

4.2. Chiến lược 2. Đào tạo và công tác sinh viên

4.2.1. Tầm nhìn và mục tiêu

a) Đối với đào tạo đại học

- Xây dựng, phát triển, cập nhật, triển khai và đánh giá có hiệu quả tối ưu các chương trình đào tạo bậc đại học theo chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và thông lệ quốc tế nhằm tạo ra sản phẩm sinh viên tốt nghiệp, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động trong và ngoài nước.

- Duy trì và phát triển quy mô đào tạo bậc đại học với số lượng ngành đào tạo trung bình khoảng 22 ngành và số lượng sinh viên trung bình 6.000 sinh viên hệ chính quy, 600 sinh viên hệ vừa làm vừa học.

b) Đối với đào tạo sau đại học

Tăng quy mô và mã ngành đào tạo đi đôi với nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội và phát huy thế mạnh của Nhà trường, là cơ sở đào tạo sau đại học đa ngành, đa lĩnh vực và có uy tín ở miền Trung và cả nước. Tiếp tục đổi mới phương thức quản lý đào tạo sau đại học, nâng cao hiệu quả không ngừng mở rộng hợp tác đào tạo với các trường có uy tín trong và ngoài nước, gắn đào tạo sau đại học với nghiên cứu khoa học phần đầu để đào tạo sau đại học là một trong những hoạt động chính của Nhà Trường.

4.2.2. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

a. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện đối với đào tạo đại học

- Hoàn thiện các quy chế về tuyển sinh, đào tạo theo đúng các quy định của pháp luật và phù hợp với đặc điểm của Nhà trường.
- Rà soát, cập nhật, đánh giá tổng thể chương trình đào tạo các trình độ để đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, đảm bảo tính khoa học, thích ứng với sự phát triển của nhu cầu nguồn nhân lực, phù hợp với thể mạnh, đặc điểm của Trường, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, đồng thời đảm bảo tính liên thông, chuyển đổi, công nhận tín chỉ giữa các hình thức, trình độ, loại hình đào tạo và giữa các cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước.
- Đa dạng hóa các loại hình đào tạo và phương thức đào tạo (chính quy, vừa làm vừa học, chương trình đào tạo thứ hai, chương trình chất lượng cao, liên kết quốc tế, đào tạo trực tiếp, đào tạo trực tuyến, đào tạo kết hợp...). Quan tâm mở các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đa dạng của xã hội.
- Đổi mới nội dung và các hoạt động dạy học theo hướng tiếp cận các phương pháp giáo dục tiên tiến, tăng tính chủ động, sáng tạo, tính ứng dụng, thực hành. Tăng cường tập huấn, trao đổi kinh nghiệm về đổi mới phương pháp giảng dạy.
- Nâng cao chất lượng nguồn học liệu, giáo trình, tài liệu tham khảo, đặc biệt ưu tiên việc mua nguyên bản hoặc biên soạn sách, giáo trình trên cơ sở sách, tài liệu của các nhà xuất bản có uy tín trên thế giới phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu. Xây dựng và sử dụng hiệu quả các nguồn học liệu số.
- Xây dựng các quy trình phối hợp cụ thể, tăng cường hệ thống thiết bị và phần mềm đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, quản lý và phục vụ người học. Xây dựng cổng thông tin tích hợp, cung cấp các dịch vụ để từng bước tiến đến triệt để ứng dụng chuyển đổi trong thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến quản lý và phục vụ người học, phát triển hệ thống công nghệ thông tin phục vụ học tập.
- Đổi mới và tăng cường hiệu quả công tác truyền thông tuyển sinh, nhằm thu hút người học có năng lực, tố chất tốt, thu hút và gia tăng số lượng sinh viên nước ngoài đến học tập, nghiên cứu tại Nhà trường.
- Có phương án hợp tác với doanh nghiệp, khai thác, đa dạng hoá nguồn tài trợ, học bổng hỗ trợ sinh viên học giỏi có hoàn cảnh khó khăn.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động xúc tiến và giới thiệu việc làm, ngày hội khởi nghiệp, giao lưu doanh nghiệp, hỗ trợ tối đa cơ hội việc làm cho người học sau tốt nghiệp.

- Phát triển chú trọng chất lượng, tập trung khai thác và phát huy những thế mạnh cốt lõi trong đào tạo, ưu tiên một số lĩnh vực khoa học và công nghệ có vai trò then chốt đối với nền kinh tế tri thức và CMCN 4.0.

b. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện đối với hoạt động đào tạo sau đại học

- Nhiệm vụ: Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế tập trung vào các nội dung sau nhằm đổi mới trong quản lý đào tạo sau đại học: tự chủ trong chuyên môn tăng quy mô tuyển sinh và xây dựng mới các ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Đối với nhiệm vụ tự chủ trong chuyên môn: trong quá trình quản lý về chuyên môn, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế có ba cấp quản lý tồn tại: Cấp trường là cấp điều hành và quản lý toàn bộ hoạt động của nhà trường thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường, dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy, Ban giám hiệu cùng với các đơn vị chức năng tham mưu giúp việc gồm: các Phòng chức năng, Khoa chuyên môn hoặc Trung tâm. Cấp Khoa là cấp quản lý các hoạt động đào tạo của ngành trực thuộc. Cấp bộ môn trực tiếp triển khai về học thuật trong các hoạt động đào tạo. Các trung tâm có nhiệm vụ hỗ trợ triển khai các ứng dụng của các sản phẩm đào tạo để chuyển giao công nghệ và phục vụ lại cho đào tạo.

Tiếp tục tăng quy mô và mã ngành đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ trên cơ sở cân đối với nguồn lực và coi trọng chất lượng đào tạo.

- Đối với nhiệm vụ tăng quy mô tuyển sinh và xây dựng mới các ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu của xã hội: nâng số ngành đào tạo thạc sĩ từ 23 ngành năm 2022 lên 25 ngành vào năm 2030, hướng tới các ngành: Báo chí, Công tác xã hội, Quản lý nhà nước, Đông Phương học nâng số ngành đào tạo tiến sĩ từ 16 ngành năm 2022 lên đến 18 ngành vào năm 2030 và 20 ngành vào năm 2040 phấn đấu đến năm 2030 số lượng tuyển mới là 300 học viên cao học/năm, tổng số học viên đạt trên 800. Số nghiên cứu sinh tuyển mới từ 20 – 30/năm, quy mô đào tạo nghiên cứu sinh đạt trên 100.

- Giải pháp:

Tích cực quảng bá, giới thiệu hình ảnh về Trường và các ngành đào tạo để phát triển quy mô đào tạo sau đại học. Tìm kiếm các giải pháp để tăng đầu vào cho các mã ngành khó tuyển sinh.

Nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học, coi đây là nhiệm vụ quan trọng nhất trong những năm tới. Phần đầu đưa Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế thực sự trở thành một địa chỉ đào tạo sau đại học có uy tín ở miền Trung và trong nước. Cập nhật, sửa đổi, hoàn chỉnh các chương trình, đề án các ngành đào tạo sau đại học theo quy chế mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Xây dựng chương trình đào tạo liên thông từ trình độ đại học lên trình độ thạc sĩ nhằm tạo điều kiện cho người học rút ngắn thời gian học tập so với tổng thời gian đào tạo của cả hai trình độ đại học và thạc sĩ của ngành học.

Tích cực xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy cho đào tạo sau đại học. Khuyến khích cán bộ giảng viên đào tạo ở nước ngoài để nâng cao trình độ chuyên môn và ngoại ngữ.

Cải thiện cơ sở vật chất (phòng thí nghiệm, thư viện, phòng học, phòng bảo vệ luận văn, luận án, trang thiết bị phục vụ giảng dạy...) khang trang, hiện đại đáp ứng chuẩn khu vực.

Đầu tư cho biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo cho chương trình đào tạo sau đại học. Cải tiến phương pháp dạy - học, đổi mới quy trình đánh giá nhằm nâng cao chất lượng luận văn, luận án.

4.2.3. Kế hoạch thực hiện chiến lược

Bảng 10. Kế hoạch thực hiện chiến lược đào tạo và công tác sinh viên

Stt	Nhiệm vụ	Sản phẩm dự kiến	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành
a) Đối với đào tạo đại học				
1	Hoàn thiện các quy chế về tuyển sinh, đào tạo theo đúng các quy định của Pháp luật và phù hợp với đặc điểm của Trường.	- Quy chế tuyển sinh hệ vừa làm vừa học phù hợp với từng giai đoạn - Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ phù hợp với từng giai đoạn	Năm 2021	Năm 2030
2	Rà soát, cập nhật, đánh giá tổng thể chương trình đào tạo các trình độ để đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, đảm bảo tính khoa học, thích ứng với sự phát triển của nhu cầu nguồn	Chương trình đào tạo trình độ đại học được rà soát, cập nhật	Năm 2021	Năm 2030

	nhân lực, phù hợp với thể mạnh, đặc điểm của Trường, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, đồng thời đảm bảo tính liên thông, chuyển đổi, công nhận tín chỉ giữa các hình thức, trình độ, loại hình đào tạo và giữa các cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước.			
3	Tập huấn đổi mới nội dung và các hoạt động dạy học theo hướng tiếp cận các phương pháp giáo dục tiên tiến, tăng tính chủ động, sáng tạo, tính ứng dụng, thực hành.	Ít nhất 80% giảng viên được tập huấn đổi mới nội dung và các hoạt động dạy học theo hướng tiếp cận các phương pháp giáo dục tiên tiến	Năm 2025	Năm 2030
4	Xây dựng các quy trình phối hợp cụ thể, tăng cường hệ thống thiết bị và phần mềm đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, quản lý và phục vụ người học. Xây dựng công thông tin tích hợp, cung cấp các dịch vụ để từng bước tiến đến triệt để ứng dụng chuyển đổi trong thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến quản lý và phục vụ người học phát triển hệ thống công nghệ thông tin phục vụ học tập.	- Quy trình nghiệp vụ xử lý các công việc thích ứng với chuyển đổi số - Hệ thống công nghệ thông tin phục vụ quản lý toàn diện hoạt động của Nhà trường	Năm 2024	Năm 2030
5	Đổi mới và tăng cường hiệu quả công tác truyền thông tuyển sinh, nhằm thu hút người học có năng lực, tố chất tốt thu hút và gia tăng số lượng sinh viên nước ngoài đến học tập, nghiên cứu tại Trường.	- Các hoạt động tuyên truyền công tác quảng bá tuyển sinh - Website tuyển sinh, quảng bá tuyển sinh	Năm 2021	Năm 2030
6	Phát triển chú trọng chất lượng, tập trung khai thác và phát huy những thế mạnh cốt lõi trong đào tạo, ưu tiên một số lĩnh vực khoa học và công nghệ có vai trò then chốt đối với nền kinh tế tri thức và CMCN 4.0.	- Cơ sở vật chất đáp ứng dạy - học đối với các ngành liên quan đến cách mạng công nghiệp 4.0	Năm 2025	Năm 2030

b) Đối với đào tạo sau đại học				
1	Hoàn thiện các quy trình trong quản lý đào tạo sau đại học, Ban hành quy chế đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, dự bị tiến sĩ theo đúng các quy định của Bộ giáo dục & Đào tạo, Đại học Huế và phù hợp với đặc điểm của Trường.	- Các quy trình quản lý hoạt động đào tạo sau đại học. - Các Quyết định đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ cập nhật theo quy chế của Bộ giáo dục & Đào tạo.	Năm 2021	Năm 2030
2	Rà soát, cập nhật và hoàn thiện chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, xây dựng đề cương chi tiết các học phần trình độ thạc sĩ để đáp ứng theo Thông tư số 17/2021/TT-BGD-ĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo.	- Quyết định ban hành đề cương chi tiết học phần các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. - Quyết định ban hành chương trình khung các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. - Quyết định ban hành mục tiêu và chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.	Năm 2021	Năm 2030
3	Xây dựng phần mềm quản lý đào tạo sau đại học đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, quản lý và phục vụ học viên cao học và nghiên cứu sinh. Phân cấp trách nhiệm rõ ràng, cụ thể trong đào tạo và quản lý đào tạo sau đại học của Trường.	Phần mềm quản lý đào tạo sau đại học đáp ứng được công tác quản lý của phòng chức năng, hoạt động giảng dạy của giảng viên và tương tác của người học với cơ sở đào tạo	Năm 2023	Năm 2024
4	Đổi mới và tăng cường hiệu quả công tác quảng bá tuyển sinh nhằm tăng quy mô sau đại học và coi trọng chất lượng đào tạo. Tiếp tục mở mới một số mã ngành đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ trên cơ sở cân đối với nguồn lực và nhu cầu xã hội	- Quy mô tuyển sinh cao học hàng năm 300 -350 học viên và 50 nghiên cứu sinh - Mở mới 3-4 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ đáp ứng nhu cầu xã hội và theo quy hoạch phát triển các ngành đào tạo của Đại học Huế giai đoạn 2022-2030.	Năm 2023	Năm 2030

4.3. Chiến lược 3. Khảo thí và bảo đảm chất lượng giáo dục

4.3.1. Tầm nhìn và mục tiêu

Đổi mới, đa dạng hóa phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập người học, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy, sự công bằng và phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Nâng cao năng lực của hệ thống mạng lưới bảo đảm chất lượng giáo dục bên trong. Phát triển và triển khai các công cụ bảo đảm chất lượng giáo dục. Hoàn thiện hệ thống thông tin hỗ trợ công tác bảo đảm chất lượng giáo dục. Triển khai tự đánh giá và kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo bậc đại học và sau đại học theo chuẩn quốc gia và chuẩn AUN-QA. Thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục hậu kiểm định. Xây dựng và phát triển “Văn hóa chất lượng” trong Nhà trường.

- *Mục tiêu giai đoạn 2021 - 2026*

+ 60% các học phần có ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án.

+ 15% các học phần được tổ chức thi kết thúc học phần bằng hình thức trắc nghiệm.

+ 30% chương trình đào tạo được kiểm định chất lượng theo chuẩn quốc gia.

- *Mục tiêu đến 2030, tầm nhìn 2040*

+ 75% các học phần có ngân hàng câu hỏi thi/đề thi và đáp án.

+ 30% các học phần được tổ chức thi kết thúc học phần bằng hình thức trắc nghiệm.

+ 100% chương trình đào tạo được kiểm định chất lượng theo chuẩn quốc gia.

+ 10% chương trình đào tạo được kiểm định chất lượng theo chuẩn AUN.

4.3.2. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

- Rà soát, điều chỉnh và bổ sung quy chế, quy định tổ chức thi kết thúc học phần phù hợp với quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo với tình hình thực tế của Nhà trường.

- Triển khai xây dựng ngân hàng câu hỏi thi/đề thi các học phần bậc đào tạo đại học. Không xây dựng ngân hàng câu hỏi thi/đề thi các học phần tự chọn. Ưu tiên các học phần được sử dụng cho nhiều nhóm lớp.

- Quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả ngân hàng câu hỏi thi/đề thi phục vụ các kỳ thi kết thúc học phần bậc đào tạo đại học tại Nhà trường. Thường xuyên

cập nhật, điều chỉnh ngân hàng câu hỏi thi/đề thi phù hợp với nội dung và chuẩn đầu ra của học phần, của chương trình đào tạo.

- Xây dựng và áp dụng các phần mềm trong công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, đảm bảo sự công bằng, khách quan và chính xác.

- Kiện toàn tổ chức hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục bên trong của Nhà trường bao gồm Hội đồng bảo đảm chất lượng giáo dục Trường và Mạng lưới bảo đảm chất lượng giáo dục bên trong của các đơn vị.

- Ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng bảo đảm chất lượng giáo dục Trường và Mạng lưới bảo đảm chất lượng giáo dục bên trong của các đơn vị.

- Nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ hoạt động trong lĩnh vực bảo đảm chất lượng giáo dục. Tạo điều kiện cho cán bộ chuyên trách bảo đảm chất lượng giáo dục được đào tạo kiểm định viên. Tham gia có hiệu quả các hội nghị, hội thảo, tập huấn về công tác bảo đảm chất lượng giáo dục do Đại học Huế và Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý điều hành về hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục trong Nhà trường. Phổ biến Sổ tay bảo đảm chất lượng đến toàn thể các đơn vị, viên chức, người lao động và người học của Nhà trường.

- Xây dựng và hoàn thiện các công cụ hỗ trợ hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục. Chuyển đổi số hoạt động tự đánh giá. Xây dựng và triển khai áp dụng phần mềm số hóa minh chứng khi viết báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo và cơ sở giáo dục.

- Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về bảo đảm chất lượng giáo dục. Số hóa và lưu trữ các văn bản hành chính, tạo điều kiện thuận lợi khi tra cứu, lập danh mục minh chứng phục vụ công tác bảo đảm chất lượng giáo dục, tự đánh giá chương trình đào tạo và cơ sở giáo dục.

- Triển khai công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo bậc đại học theo chuẩn quốc gia.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục hậu kiểm định. Trên cơ sở khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và kế hoạch hành động trong báo cáo tự đánh giá cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo, hàng năm triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng, khắc phục những điểm tồn tại, phát huy những

điểm mạnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nói riêng và chất lượng giáo dục của Nhà trường nói chung.

- Triển khai có hiệu quả công tác khảo sát ý kiến các bên liên quan phục vụ công tác bảo đảm chất lượng giáo dục theo yêu cầu của Nhà trường, Đại học Huế và Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đa dạng hóa phương thức khảo sát, huy động nguồn lực của các phòng ban chức năng và các khoa chuyên môn triển khai khảo sát nhằm đạt được tỷ lệ phản hồi cao. Sử dụng kết quả khảo sát làm cơ sở để cải tiến chất lượng.

4.3.3. Kế hoạch thực hiện chiến lược

Bảng 11. Kế hoạch thực hiện chiến lược Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục

Stt	Nhiệm vụ	Sản phẩm dự kiến	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành
1	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện các quy chế, quy định, hướng dẫn về tổ chức thi và chấm thi kết thúc học phần bậc đào tạo đại học và sau đại học	Các quy chế, quy định và hướng dẫn về tổ chức thi và chấm thi kết thúc học phần bậc đào tạo đại học và sau đại học.	2021	2025
2	Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi/đề thi các học phần bậc đào tạo đại học và sau đại học	Ngân hàng câu hỏi thi/đề thi các học phần bậc đào tạo đại học và sau đại học	2021	2025
3	Triển khai xây dựng ngân hàng câu hỏi thi/đề thi theo hình thức trắc nghiệm đối với những học phần giảng dạy cho nhiều nhóm lớp	Ngân hàng câu hỏi thi/đề thi theo hình thức trắc nghiệm	2021	2025
4	Xây dựng và đưa vào sử dụng các phần mềm thi và chấm thi	- Phần mềm thi và chấm thi theo hình thức trắc nghiệm và tự luận. - Phần mềm thi và chấm thi theo hình thức tiểu luận.	2021	2025
5	Phân tích, đánh giá ngân hàng câu hỏi thi/đề thi của một số học phần có đóng góp quyết định đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.	Kết quả phân tích, đánh giá ngân hàng câu hỏi thi/đề thi của một số học phần.	2021	2025
6	Nâng cao nhận thức về công tác bảo đảm chất lượng giáo dục của viên chức, người lao động và người học.	Tổ chức các hoạt động tuyên truyền về công tác bảo đảm chất lượng giáo dục.	2021	2025

7	Kiến toàn tổ chức Hội đồng bảo đảm chất lượng giáo dục của Nhà trường Mạng lưới bảo đảm chất lượng giáo dục của các đơn vị.	- Quyết định thành lập Hội đồng bảo đảm chất lượng giáo dục Nhà trường. - Quyết định thành lập Mạng lưới bảo đảm chất lượng giáo dục các đơn vị.	2021	2021
8	Ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng bảo đảm chất lượng giáo dục Trường và Mạng lưới bảo đảm chất lượng giáo dục bên trong của các đơn vị.	- Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng bảo đảm chất lượng giáo dục Nhà trường. - Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Mạng lưới bảo đảm chất lượng giáo dục bên trong các đơn vị.	2021	2021
9	Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chuyên trách về mảng hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục.	Cán bộ chuyên trách về mảng hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục được đào tạo kiểm định viên.	2021	2025
10	Rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện các quy định, chính sách liên quan để thực hiện công tác bảo đảm chất lượng giáo dục.	Các quy định, chính sách liên quan về công tác bảo đảm chất lượng giáo dục	2021	2025
11	Triển khai kế hoạch tự đánh giá và đăng ký kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn Quốc gia.	- Báo cáo tự đánh giá 03 chương trình đào tạo - Đăng ký kiểm định chất lượng 03 chương trình đào tạo	2021	2022
12	Triển khai kế hoạch tự đánh giá và đăng ký kiểm định chất lượng Trường chu kỳ 2	- Báo cáo tự đánh giá Trường theo tiêu chuẩn Quốc gia - Đăng ký kiểm định chất lượng Nhà trường với Trung tâm KĐCLGD độc lập	2023	2024
13	Triển khai tự đánh giá và đăng ký kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo chuẩn AUN-QA.	- Báo cáo tự đánh giá 1-2 chương trình đào tạo theo chuẩn AUN-QA. - Đăng ký kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo chuẩn AUN-QA.	2026	2028

14	Tham gia các hội nghị, hội thảo và tập huấn về công tác bảo đảm chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức	- 50% cán bộ chuyên trách mảng hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục được tham gia	2021	2025
15	Tham gia các hội nghị, hội thảo và tập huấn về công tác bảo đảm chất lượng giáo dục do Đại học Huế tổ chức.	- 100% cán bộ chuyên trách mảng hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục được tham gia.	2021	2025
16	Tổ chức Hội nghị bảo đảm chất lượng giáo dục của Nhà trường hằng năm.	Hội nghị bảo đảm chất lượng giáo dục của Nhà trường.	2021	2025
17	Xây dựng và ban hành Sổ tay bảo đảm chất lượng giáo dục Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế	Sổ tay bảo đảm chất lượng giáo dục Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế	2021	2025
18	Khảo sát ý kiến của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên.	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên.	2021	2025
19	Khảo sát ý kiến của sinh viên năm cuối về chất lượng chương trình đào tạo.	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của sinh viên năm cuối về chất lượng chương trình đào tạo.	2021	2025
20	Khảo sát ý kiến của sinh viên về mức độ đáp ứng của Trung tâm Thông tin và Thư viện.	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của sinh viên về mức độ đáp ứng của Trung tâm Thông tin và Thư viện.	2021	2025
21	Khảo sát ý kiến của viên chức, người lao động và sinh viên về mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất, cảnh quan môi trường và thái độ phục vụ của cán bộ phòng ban.	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của viên chức, người lao động và sinh viên về mức độ đáp ứng cơ sở vật chất, cảnh quan môi trường và thái độ phục vụ của cán bộ phòng ban.	2021	2025
22	Khảo sát ý kiến của viên chức, người lao động về các chế độ, chính sách, nhu cầu đào tạo bồi dưỡng chuyên môn và thi đua khen thưởng của Nhà trường.	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của viên chức, người lao động về các chế độ, chính sách, nhu cầu đào tạo bồi dưỡng chuyên môn và thi đua khen thưởng của Nhà trường.	2021	2025
23	Khảo sát ý kiến của sinh viên về các tiện ích và dịch vụ hỗ trợ của Nhà trường	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của sinh viên về các tiện ích và dịch vụ hỗ trợ của Nhà trường	2021	2025

24	Khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của SV sau khi tốt nghiệp.	Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên sau khi tốt nghiệp.	2021	2025
25	Khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng về chất lượng sinh viên tốt nghiệp	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng về chất lượng sinh viên tốt nghiệp	2021	2025
26	Xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu bảo đảm chất lượng giáo dục theo các chỉ tiêu chủ yếu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Cơ sở dữ liệu về các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục được cập nhật hằng năm. Thực hiện công khai điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục định kỳ theo quy định.	2021	2025
27	Xây dựng và triển khai áp dụng phần mềm viết báo cáo tự đánh giá và danh mục minh chứng.	Phần mềm viết báo cáo tự đánh giá và danh mục minh chứng.	2022	2022

4.4. Chiến lược 4. Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế

4.4.1. Tầm nhìn và mục tiêu

- Mục tiêu giai đoạn 2021 – 2030:

Trung bình mỗi năm có tối thiểu có ít nhất 01 đề tài cấp Nhà nước hoặc Nghị định thư, 03 nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia, 06 nhiệm vụ khoa học cấp Bộ, 03 nhiệm vụ khoa học địa phương, 08 đề tài cấp Đại học Huế, 20 đề tài cơ sở cấp Trường, 03 đề tài nghiên cứu, dự án hợp tác quốc tế.

Hình thành các nhóm nghiên cứu liên ngành với mục tiêu mỗi cán bộ giảng dạy phải thuộc tối thiểu 01 nhóm nghiên cứu nhằm tận dụng tối đa nguồn nhân lực, cơ sở vật chất phù hợp với xu hướng phát triển nghiên cứu của thế giới. Mỗi năm có ít nhất 02 nhóm nghiên cứu mạnh được Đại học Huế công nhận, tăng số lượng nhóm nghiên cứu mạnh từ 04 lên 15 nhóm vào năm 2030 và thành lập được 05 nhóm nghiên cứu theo hướng ứng dụng nhằm tăng cường năng lực chuyển giao công nghệ, thương mại hóa sản phẩm. Thành lập được ít nhất 01 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Tăng số xuất bản trên hệ thống tạp chí khoa học quốc tế có uy tín (Web of Science và Scopus) bình quân 20% năm và đạt 150 bài/năm vào năm 2030. Tất cả

các ngành học của khối tự nhiên và hai ngành Văn học, Lịch sử thuộc khối xã hội và nhân văn đều được tính điểm học hàm từ 0,5 - 0,75 theo quyết định của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

- *Tầm nhìn đến 2040*: Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế là trường đại học theo định hướng nghiên cứu, phát triển khoa học công nghệ đạt trình độ khu vực và quốc tế.

4.4.2. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

1. Tiếp tục khẳng định được uy tín về nghiên cứu khoa học đa ngành (khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn) của Nhà trường trong định hướng trường đại học nghiên cứu, nhằm đóng góp tích cực vào việc tăng hạng Đại học Huế trong xếp hạng đại học ở khu vực và quốc tế.

2. Thực hiện được nhiều hơn các đề tài nghiên cứu khoa học nghiên cứu và phát triển phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên và trong cả nước.

3. Khai thác được tối đa nguồn lực (nhân lực, cơ sở vật chất và tài chính) trên cơ sở quy hoạch nâng cao trình độ của cán bộ để tiếp tục phát triển nghiên cứu khoa học, hỗ trợ tích cực cho đào tạo đại học và đặc biệt là đào tạo sau đại học.

4. Xây dựng định hướng khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế của từng nhóm nghiên cứu trong thời gian 10 năm với mục tiêu kết hợp giữa đào tạo đội ngũ nhân lực chất lượng cao và công bố các sản phẩm khoa học có uy tín, đặc biệt các sản phẩm ứng dụng có tính cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

5. Xây dựng đề cương Khoa học công nghệ, Hợp tác quốc tế cho giai đoạn trung hạn từ 3 - 5 năm tương tự như đề cương thực hiện nhiệm vụ cấp quốc gia với cụ thể các sản phẩm khoa học uy tín về chất lượng và số lượng cũng như phù hợp với kế hoạch nâng cao trình độ chuyên môn của các thành viên nhóm nghiên cứu.

6. Xây dựng kế hoạch sửa chữa, bổ sung và trang bị mới cơ sở vật chất, không gian làm việc phục vụ cho nhóm nghiên cứu theo mức độ ưu tiên từ kinh phí của Trường. Đồng thời, xây dựng đề cương dự án tăng cường trang thiết bị.

7. Lập kế hoạch hoạt động hằng năm để phân công cụ thể công việc, số lượng và tiến độ, đạt được sản phẩm khoa học có uy tín cho mỗi thành viên trên cơ sở kế hoạch, nâng cao trình độ của cá nhân và mục tiêu chung của nhóm nghiên cứu.

Hàng năm, mỗi nhóm phải có tối thiểu 01 sản phẩm khoa học có uy tín với vai trò là tác giả chính.

8. Hoàn thiện các quy định quản lý hoạt động khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế của Trường, trong đó cần có các quy định cụ thể về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, trao đổi sinh viên quốc tế.

9. Tăng cường kết nối, ký kết hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế để tìm kiếm, xây dựng các đề tài, dự án có quy mô lớn về kinh phí. Trong đó, đặc biệt chú trọng hợp tác nghiên cứu các vấn đề gắn liền với sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

10. Đa dạng nguồn thu từ hoạt động khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế, tăng cường nguồn thu từ hoạt động tư vấn khoa học công nghệ, dự án hợp tác quốc tế, sản phẩm chuyển giao và hợp tác doanh nghiệp. Điều chỉnh hợp lý mức thu từ các đề tài, dự án trong quy chế chi tiêu nội bộ để tăng kinh phí cho quỹ phúc lợi của Trường.

11. Nâng cao chất lượng của Tạp chí Khoa học và Công nghệ của Trường để hầu hết các ngành học của Trường đều được công nhận tính điểm học hàm, đồng thời Tạp chí được đồng ý cho phép xuất bản online.

12. Tăng cường hoạt động seminar học thuật ở các cấp. Tổ chức các hội thảo quốc gia và quốc tế để quảng bá hình ảnh, kết nối hợp tác. Tham gia vào các mạng lưới nghiên cứu trong nước và quốc tế.

13. Thành lập doanh nghiệp khoa học công nghệ trực thuộc Trường để thương mại hoá, chuyển giao các sản phẩm khoa học công nghệ và tăng cường hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của sinh viên và cán bộ.

14. Tăng cường hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên thông qua tăng kinh phí nghiên cứu, gắn kết nghiên cứu khoa học sinh viên với các đề tài, dự án cấp cao hơn, tăng cường tập huấn phương pháp nghiên cứu khoa học cho sinh viên, lựa chọn các ý tưởng nghiên cứu khoa học tốt để đầu tư trọng điểm.

4.4.3. Kế hoạch thực hiện chiến lược

Bảng 12. Các chỉ tiêu chính về Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế giai đoạn 2022 - 2030

STT	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu chính (/năm)
1	Đề tài cấp Nhà nước, nghị định thư	01
1	Đề tài, dự án cấp Quốc gia, Nafosted	03
2	Đề tài cấp Bộ	06
3	Đề tài cấp tỉnh, liên kết	03
4	Đề tài cấp Đại học Huế	08
5	Đề tài cấp cơ sở	20
6	Sản phẩm chuyển giao	03
7	Sản phẩm có khả năng thương mại	05
8	Bài báo khoa học quốc tế hàng năm	120
9	Bài báo khoa học trong nước hàng năm	200
10	Tỷ lệ giảng viên có công trình công bố	100%
11	Đăng ký sở hữu trí tuệ (<i>Tối thiểu 03 sở hữu trí tuệ được cấp quyền bảo hộ</i>)	10
13	Nhóm nghiên cứu mạnh cấp đại học Huế	15
14	Nhóm nghiên cứu ứng dụng cấp trường	5
15	Tạp chí Khoa học và Công nghệ có các ngành tự nhiên và hai ngành Lịch sử, Văn học	Được tính điểm từ 0,5 - 0,75
16	Nguồn thu từ khoa học và công nghệ	20%
17	Ươm tạo được doanh nghiệp	01
18	Các chương trình, đề tài, dự án hợp tác quốc tế	05
19	Hội nghị, hội thảo quốc tế	02
20	Hội nghị hội thảo trong nước	03
21	Số MoU được ký kết	05

4.5. Chiến lược 5. Tài chính và cơ sở vật chất

4.5.1. Tầm nhìn và mục tiêu

- Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế hướng tới mục tiêu giai đoạn 2021 – 2030 về công tác tài chính như sau:

+ Tăng cường tìm kiếm, đề xuất và tận dụng mọi nguồn thu trong điều kiện có thể cho Nhà trường. Việc sử dụng nguồn thu cần đảm bảo hợp lý, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhu cầu thực tế.

+ Ban hành quy chế tài chính làm cơ sở cho việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ để phù hợp với tình hình mới, đảm bảo công khai, công bằng và hợp lý. Tiếp tục thực hiện cân đối trong thu chi nhằm tăng hiệu quả và tiết kiệm chi tiêu cho Nhà trường. Trên cơ sở đó để tiến tới xây dựng phương án tự chủ đảm bảo chi thường xuyên của Nhà trường về mặt tài chính.

+ Định hướng nghiên cứu xây dựng các phương án nhằm điều tiết hợp lý các hoạt động có thu, tăng cường phúc lợi tập thể. Sử dụng kinh phí thỏa đáng để đẩy mạnh tất cả các hoạt động của Nhà trường.

+ Đề xuất ứng dụng toàn diện công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và các hoạt động, trong đó có lĩnh vực tài chính đáp ứng thực tiễn của xã hội.

Đến năm 2040, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế xác định là trường đại học tự chủ hoàn toàn về mặt tài chính.

- Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế hướng tới mục tiêu giai đoạn 2021 – 2030 về công tác cơ sở vật chất như sau:

+ Tăng cường trang thiết bị phòng thực hành, thực tập phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học từ nhiều nguồn lực. Nhà trường chủ động tìm kiếm được các nguồn từ ngân sách khác nhau để tăng cường trang thiết bị thông qua các dự án của Chính phủ, các bộ ngành liên quan, Đại học Huế. Bên cạnh đó, tăng cường tìm kiếm nguồn đầu tư đến từ các đề tài, dự án hợp tác quốc tế.

+ Xây dựng phương án sử dụng các nguồn từ ngân sách, nguồn tự cân đối để bổ sung thêm trang thiết bị phòng thực hành, thí nghiệm.

+ Định hướng nghiên cứu xây dựng phương án dùng chung tài sản giữa các khoa, liên khoa và toàn trường nhằm tận dụng tối đa công suất và hiệu quả đầu tư của trang thiết bị, phòng thực hành, thí nghiệm.

Đến năm 2040, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế xác định là trường đại học đáp ứng đầy đủ cơ sở vật chất hiện đại phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học đạt chuẩn của khu vực và quốc tế.

4.5.2. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

1. Thực hiện điều chỉnh mức thu học phí của các cấp học theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo nguồn thu của Nhà trường.

2. Xây dựng lộ trình phương án tự chủ tài chính để đáp ứng nhu cầu xã hội về tự chủ tài chính đối với giáo dục.

3. Xây dựng quy chế tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ hợp lý, kịp thời điều chỉnh theo thực tế đảm bảo cân đối thu chi về tài chính.

4. Xây dựng phương án điều tiết kinh phí cho tất cả các hoạt động của Nhà trường.

5. Đề xuất xây dựng các phần mềm nhằm cụ thể hóa khả năng quản lý, điều hành về mặt tài chính cho Nhà trường.

6. Tiếp tục tìm kiếm các dự án nhằm tăng cường trang thiết bị thí nghiệm, phòng thực hành từ ngân sách của Bộ, Ngành và địa phương.

7. Tiếp tục tìm kiếm các đề tài, dự án hợp tác quốc tế để tăng cường trang thiết bị cho Nhà trường.

8. Xây dựng lộ trình đầu tư từ nguồn thu hợp pháp cho các lĩnh vực trọng điểm, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học.

9. Xây dựng phương án dùng chung tài sản giữa các đơn vị trong Nhà trường.

4.5.3. Kế hoạch thực hiện chiến lược

Bảng 13. Kế hoạch thực hiện chiến lược về tài chính và cơ sở vật chất

Stt	Nhiệm vụ	Sản phẩm dự kiến	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành
a) Về mặt tài chính				
1	Thực hiện điều chỉnh mức thu học phí của các cấp học theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo nguồn thu của Nhà trường.	Quyết định điều chỉnh mức thu học phí	2022	2030
2	Xây dựng lộ trình phương án tự chủ tài chính để đáp ứng nhu cầu xã hội về tự chủ tài chính đối với giáo dục.	Đề án tự chủ tài chính	2023	2030

3	Xây dựng quy chế tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ hợp lý, cần kịp thời điều chỉnh theo thực tế đảm bảo cân đối thu chi về tài chính.	Quyết định ban hành sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế	2023	2030
4	Xây dựng phương án điều tiết kinh phí cho tất cả các hoạt động của Nhà trường.	Đề án điều tiết kinh phí các hoạt động của Nhà trường	2024	2030
5	Đề xuất xây dựng các phần mềm nhằm cụ thể hóa khả năng quản lý, điều hành về mặt tài chính cho Nhà trường	Phần mềm ứng dụng	2024	2030
b) Về mặt cơ sở vật chất				
1	Tìm kiếm các dự án nhằm tăng cường trang thiết bị thí nghiệm, phòng thực hành từ ngân sách của Bộ, Ngành và địa phương	Dự án từ các đối tác trong nước	2022	2030
2	Tìm kiếm các đề tài, dự án hợp tác quốc tế để tăng cường trang thiết bị cho Nhà trường	Dự án từ các đối tác nước ngoài	2022	2030
3	Xây dựng lộ trình đầu tư từ nguồn thu hợp pháp cho các lĩnh vực trọng điểm, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học.	Kế hoạch đầu tư từ nguồn thu hợp pháp cho các lĩnh vực trọng điểm, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học	2024	2030
4	Xây dựng phương án dùng chung tài sản giữa các đơn vị trong Nhà trường.	Phương án dùng chung tài sản giữa các đơn vị trong Nhà trường	2024	2030

PHẦN V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

5.1. Tổ chức thực hiện

5.1.1. Hội đồng Trường

- Quyết định về chiến lược, kế hoạch phát triển, kế hoạch hàng năm của đơn vị đào tạo.

- Hằng năm, Hội đồng Trường tổ chức hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết, rà soát điều chỉnh các mục tiêu, giải pháp của chiến lược được cụ thể hoá trong kế hoạch, nhiệm vụ năm học của Nhà trường, tổ chức theo dõi, đánh giá, kiểm tra giám sát, đánh giá, điều chỉnh chiến lược phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Tuân thủ pháp luật chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan quản lý có thẩm quyền và các bên liên quan.

- Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn khác được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học.

5.1.2. Hiệu trưởng

- Chịu trách nhiệm về mọi lĩnh vực trong đơn vị để thực hiện đúng và hiệu quả các mục tiêu đã đề ra của Chiến lược phát triển Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2040.

- Chịu trách nhiệm trước Hội đồng Trường về việc thực hiện Chiến lược tại Nhà trường.

- Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược tại đơn vị theo giai đoạn và từng năm học.

- Tổ chức và phân công viên chức, người lao động thực hiện nhiệm vụ theo từng giai đoạn của Chiến lược tại Nhà trường.

- Đảm bảo các nguồn lực để triển khai các mục tiêu/chỉ tiêu đã đề ra tại Chiến lược.

5.1.3. Lãnh đạo các Phòng ban/Trung tâm

- Tham mưu lãnh đạo đơn vị về mục tiêu, chính sách, thủ tục, quy định và kế hoạch cụ thể liên quan đến việc thực hiện các mục tiêu chiến lược tại đơn vị.

- Tổ chức khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tại đơn vị, thường xuyên kiểm tra và báo cáo kịp thời với Ban Giám hiệu về tiến độ triển khai các mục tiêu chiến lược theo từng lĩnh vực cụ thể tại đơn vị.

- Giám sát và hỗ trợ các đơn vị thuộc Trường về các hoạt động chuyên môn thực hiện đúng lộ trình của chiến lược.

5.1.4. Lãnh đạo các Khoa chuyên môn/Trường THPT

- Chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục của Khoa chuyên môn, Trường THPT.

- Chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch thực hiện mục tiêu chiến lược của Khoa, Trường.

- Chịu trách nhiệm rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo theo quy định.

5.1.5. Viên chức, người lao động

- Chịu trách nhiệm về chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ và phục vụ cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác.

- Tham gia xây dựng, rà soát, cập nhật chuẩn đầu ra, cập nhật chương trình đào tạo đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra - đánh giá để đạt chuẩn đầu ra tham gia hoạt động bảo đảm và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo và cơ sở giáo dục.

- Chịu trách nhiệm về chất lượng nâng cao trình độ chuyên môn của cá nhân, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp theo chuẩn mực.

5.1.6. Người học

- Chịu trách nhiệm về chất lượng học tập của bản thân

- Đóng góp ý kiến để Nhà trường cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo thông qua các phản hồi về chương trình đào tạo, hoạt động dạy và học, cơ sở vật chất và hoạt động hỗ trợ sinh viên.

5.2. Tổ chức giám sát và đánh giá kết quả

Trên cơ sở Chiến lược, Nhà trường và các đơn vị xây dựng cụ thể thành kế hoạch trung hạn, kế hoạch ngắn hạn để triển khai thực hiện theo năm học.

Kết thúc mỗi năm học, giao Phòng Tổ chức và Hành chính tổ chức hội nghị sơ kết nhằm đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ trong năm học và đề xuất điều chỉnh Chiến lược (nếu có).

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế cam kết tập trung mọi nguồn lực, chỉ đạo quyết liệt và tổ chức thực hiện thành công các mục tiêu chiến lược đã đặt ra để làm cơ sở xây dựng nhà trường trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu cơ bản và ứng dụng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn và kỹ thuật - công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

PHẦN VI. KẾT LUẬN

Chiến lược phát triển Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2040 là một văn bản quản lý rất quan trọng, là kim chỉ nam cho các hoạt động của Nhà trường và các đơn vị, đảm bảo thực hiện nhất quán mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng của Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Tổ chức thực hiện thành công chiến lược phát triển Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế là nhiệm vụ to lớn của tập thể và cá nhân trong toàn Trường, góp phần phát triển Đại học Huế thành Đại học Quốc gia theo Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị khẳng định “Xây dựng trung tâm giáo dục - đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao trên cơ sở phát triển Đại học Huế trở thành Đại học Quốc gia, phấn đấu nằm trong top 300 các trường đại học hàng đầu châu Á”.

Để thực hiện thành công chiến lược phát triển Trường, đòi hỏi sự nỗ lực quyết tâm của toàn thể viên chức, người lao động và người học của Nhà trường, sự quan tâm lãnh đạo trực tiếp của Đại học Huế, sự hỗ trợ, phối hợp của các Bộ, ngành Trung ương và các địa phương, đặc biệt của tỉnh Thừa Thiên Huế.

Thực hiện thành công chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2040, Trường sẽ là một Trường khoa học cơ bản duy nhất ở miền Trung và Tây Nguyên, là cơ sở đào tạo đại học, sau đại học về các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, kỹ thuật, công nghệ, kiến trúc nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, là nơi cung cấp nguồn nhân lực và sản phẩm khoa học công nghệ chất lượng cao, đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, mà trực tiếp là các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên./.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Bùi Quang Vũ